

**BÁO CÁO CHÍNH TRỊ**  
**CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030**

**Phát huy truyền thống anh hùng cách mạng, đoàn kết;  
xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh;  
đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;  
tận dụng thời cơ, lợi thế, tiềm năng của tỉnh địa đầu cực Nam Tổ quốc  
để phát triển toàn diện, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới**

-----

Ngày 01/7/2025, tỉnh Cà Mau (hợp nhất tỉnh Bạc Liêu và tỉnh Cà Mau) cùng cả nước đi vào hoạt động với một tiềm lực và không gian phát triển mới, là tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc, có 3 mặt giáp biển, phần diện tích trên đất liền giáp thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang, diện tích tự nhiên 7.942,39 km<sup>2</sup>; dân số khoảng 2,6 triệu người.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực có nhiều diễn biến, phức tạp, khó đoán định. Đất nước sau 40 năm đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và đang bước vào kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Với phương châm **"Đoàn kết - Dân chủ - Trách nhiệm - Đột phá - Phát triển"**, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 thể hiện ý chí quyết tâm và khát vọng vươn lên, thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2030, Cà Mau trở thành cực tăng trưởng của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, trung tâm phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH NHIỆM KỲ 2020 - 2025**

**I- KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

Năm năm qua, tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; xung đột vũ trang, bất ổn diễn ra nhiều nơi. Đất nước ta bị tác động bởi những yếu tố bất lợi từ bên ngoài, chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai. Tỉnh Cà Mau, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nhiều vấn đề mới nảy sinh, nhất là tình trạng xâm nhập mặn, sạt lở ven biển,

ven sông ngày càng nghiêm trọng, cùng với việc phải tập trung xử lý những khó khăn, hạn chế nội tại chưa được giải quyết dứt điểm, đã tác động không nhỏ đến việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Song, dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, sự chung sức đồng lòng của các tầng lớp Nhân dân, đất nước đã vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng có ý nghĩa lịch sử. Đặc biệt, sau 40 năm đổi mới, cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước đã được nâng lên tầm cao mới. Cùng với sự phát triển chung đó, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, sự hỗ trợ của Trung ương Mặt trận Tổ quốc, các ban, bộ, ngành Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Cà Mau đã ra sức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ, tập trung khắc phục khó khăn, hạn chế, phát huy thế mạnh và đạt kết quả toàn diện trên nhiều lĩnh vực.

### **1. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị đạt được nhiều kết quả quan trọng**

*Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức* được chú trọng, tăng cường; luôn thực hiện, phát huy tốt bốn kiên định (kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo nền tảng tư tưởng của Đảng; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng). Các cấp ủy kịp thời quán triệt, cụ thể hóa chủ trương, nghị quyết của Đảng; tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện, góp phần đưa nghị quyết vào cuộc sống.

*Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng* tiếp tục được đổi mới, chủ động, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; công tác tuyên truyền, định hướng dư luận được tăng cường. Công tác đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng được triển khai hiệu quả, tích cực, nhất là trên không gian mạng, góp phần tạo thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội.

*Công tác xây dựng Đảng về đạo đức* trở thành việc làm thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của mỗi cán bộ, đảng viên. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW Hội nghị Trung ương 5 (khóa XIII), các chuẩn mực về đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, Quy định về những điều đảng viên không được làm, Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, được cấp ủy, chính quyền các cấp thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, nghiêm túc tự phê bình, khắc phục hạn chế, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

*Công tác xây dựng Đảng về tổ chức* được triển khai quyết liệt, toàn diện và đồng bộ. Triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quy định của Trung ương; đặc biệt, cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; kết thúc hoạt động của đảng bộ các tỉnh trước khi hợp nhất, kết thúc hoạt

động đảng bộ cấp huyện và thành lập đảng bộ cấp tỉnh, cấp xã, phường. Đảng bộ tỉnh Cà Mau (mới)<sup>1</sup> trên cơ sở hợp nhất 02 Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu và Đảng bộ tỉnh Cà Mau trước đây; sau hợp nhất Đảng bộ tỉnh hiện có 68 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (gồm 64 đảng bộ xã, phường và 02 Đảng bộ cơ quan Đảng tỉnh, 02 Đảng bộ lực lượng vũ trang) với 1.222 tổ chức cơ sở đảng (158 đảng bộ cơ sở, 1.064 chi bộ) và 82.297 đảng viên. Các cấp ủy đảng nghiêm túc triển khai chủ trương, nghị quyết của Trung ương về tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Công tác phát triển đảng viên vượt chỉ tiêu nghị quyết, chú trọng chất lượng; kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách. Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và cấp ủy đảng theo hướng gắn chặt nội dung sinh hoạt với xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc của Nhân dân và của cơ quan, đơn vị.

*Công tác cán bộ* được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm khách quan, dân chủ, đúng nguyên tắc, quy định; công tác đánh giá cán bộ chặt chẽ, thực chất hơn; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng thiết thực, phù hợp với yêu cầu và chất lượng tốt hơn; thực hiện nghiêm túc các quy định của Trung ương về công tác cán bộ, nhất là các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ, về kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Chính sách cán bộ được thực hiện kịp thời, đồng bộ. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, chặt chẽ, thận trọng.

*Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng* có nhiều đổi mới, hiệu lực, hiệu quả được nâng cao. Cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp đã kịp thời quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết, quy định, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp được tăng cường theo hướng toàn diện, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm minh, với phương châm “*giám sát phải mở rộng*”, “*kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm*” không chông chéo kiểm tra, giám sát về nội dung, đối tượng...; tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh vi phạm và những vụ việc nổi cộm, bức xúc mà cán bộ và Nhân dân quan tâm; đồng thời, chủ động phát hiện sớm để phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm của tổ chức đảng và đảng viên. Thực hiện nghiêm túc các kết luận, chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên. Công tác phối hợp trong thực hiện kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng được thực hiện kịp thời, hiệu quả. Công tác thông tin, tuyên truyền được chú trọng, góp phần cảnh báo, giáo dục, phòng ngừa vi phạm.

*Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực* được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả tích cực; việc xử lý nghiêm sai phạm đã có tác dụng cảnh tỉnh, răn đe, ngăn ngừa sai phạm. Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra,

<sup>1</sup> Được thành lập theo Quyết định số 327-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị.

điều tra, truy tố, xét xử, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, tích cực thu hồi tài sản tham nhũng được Nhân dân và xã hội đồng tình, ủng hộ; ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực thi công vụ chuyển biến tích cực hơn. Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ các quy định về kiểm soát quyền lực, trách nhiệm người đứng đầu; kịp thời xử lý, điều chuyển, thay thế cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có dư luận hoặc biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, uy tín giảm sút.

*Đẩy mạnh công tác dân vận; tăng cường quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.* Cấp ủy các cấp thực hiện tốt quy chế công tác dân vận trong hệ thống chính trị. Chính quyền các cấp triển khai nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trên các lĩnh vực. Quy chế dân chủ cơ sở được cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, các ngành, các cấp quan tâm thực hiện nghiêm túc, vận dụng sáng tạo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng” trong chỉ đạo, điều hành. Triển khai thực hiện tốt phong trào “Dân vận khéo” đi vào chiều sâu, thiết thực. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tuyên truyền; chất lượng các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước, từ thiện xã hội được nâng lên, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, giám sát, phản biện xã hội đi vào nền nếp, có trọng tâm, trọng điểm, tạo đồng thuận trong nội bộ và Nhân dân. Công tác dân tộc, tôn giáo đạt nhiều kết quả, mối quan hệ giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội với các tổ chức tôn giáo ngày càng gắn bó mật thiết, phát huy nguồn lực, vai trò nòng cốt của các dân tộc, tôn giáo tham gia các phong trào ở địa phương.

*Đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng* ngày càng khoa học, dân chủ, nêu gương, sâu sát thực tiễn, nhất là phát huy vai trò người đứng đầu cấp ủy. Đề cao trách nhiệm, sự gương mẫu của từng cấp ủy viên và vai trò của các cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ. Phong cách làm việc của các cấp ủy ngày càng nền nếp, khoa học, bám sát quy chế và nguyên tắc tập trung dân chủ; kịp thời xử lý những phát sinh trên các lĩnh vực. Các ủy viên ban thường vụ, cấp ủy viên các cấp dành thời gian nắm, chỉ đạo và đi cơ sở, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các ngành, địa phương. Gặp gỡ, lắng nghe ý kiến của Nhân dân và cán bộ, đảng viên, cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, tạo sự thông suốt, nhịp nhàng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng cao; thực hiện đoàn kết, thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, dựa vào Nhân dân để xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Các cơ quan tham mưu của cấp ủy chủ động, tích cực đề cao trách nhiệm và thực hiện thường xuyên, kịp thời.

Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và triển khai chính quyền 02 cấp, bước đầu hoạt động ổn định. Tỉnh Cà Mau (mới) có 64 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 55 xã và 09 phường. Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hội đồng nhân dân các cấp hoạt động ngày càng hiệu quả, chất lượng toàn diện. Ủy ban nhân dân các cấp chủ động đổi mới phương thức quản lý, điều hành; thể hiện rõ vai trò kiến tạo phát triển, phục vụ Nhân dân và đồng hành cùng doanh nghiệp. Công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số thực hiện quyết liệt; các cơ quan hành chính từ tỉnh đến xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Triển khai hiệu quả Đề án số 06 của Chính phủ về phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tập trung chỉ đạo, nhiều vụ việc tồn đọng, phức tạp, kéo dài đã được giải quyết căn cơ, dứt điểm.

## **2. Về kinh tế, khoa học, công nghệ, bảo vệ môi trường đạt được nhiều kết quả khá toàn diện**

*Tốc độ tăng trưởng kinh tế* (GRDP) đạt kết quả khá, bình quân đạt hơn 7%/năm<sup>2</sup>; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. *Các trụ cột kinh tế* được triển khai thực hiện, đạt nhiều kết quả tốt.

*Nông nghiệp* phát triển ổn định theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. *Thủy sản*, nhất là sản xuất tôm tăng trưởng mạnh, tiếp tục giữ vững vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn<sup>3</sup>; các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao ngày càng được hoàn thiện, tăng giá trị và năng suất, chất lượng; đã tổ chức sự kiện Festival tôm và ngày hội cua Cà Mau góp phần phát triển thủy sản của tỉnh, xứng tầm là “thủ phủ tôm của cả nước”; khai thác thủy, hải sản tiếp tục tăng trưởng khá; lĩnh vực khai thác hải sản được cơ cấu lại theo hướng giảm khai thác gần bờ, không vi phạm vùng biển các nước. *Mô hình liên kết chuỗi giá trị, cánh đồng lớn trong sản xuất lúa* phát triển mạnh và mang lại hiệu quả cao; đã nghiên cứu lai tạo thành công một số giống lúa phù hợp với điều kiện địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng. Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý nông sản hàng hóa, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, quảng bá và khai thác các sản phẩm mang thương hiệu Cà Mau, Bạc Liêu; sản phẩm OCOP đa dạng, chất lượng và sản lượng được nâng cao, nhiều sản phẩm đã tham gia vào chuỗi cung ứng trong hệ thống siêu thị và xuất khẩu. *Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng* theo đúng quy định, góp phần cải thiện môi trường, phát triển bền vững; sản xuất dưới tán rừng gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, bảo tồn đa dạng sinh học từng bước hình thành và phát triển. Diêm nghiệp được quan tâm đầu tư, nhất là qua sự kiện Festival Nghề Muối Việt Nam - Bạc Liêu năm 2025 đã mở ra nhiều cơ hội cho phát triển ngành sản xuất muối.

<sup>2</sup> Nếu không ảnh hưởng của Đại dịch COVID-19; nếu tính ảnh hưởng của Đại dịch COVID-19 thì tăng trưởng bình quân đạt 6,15%.

<sup>3</sup> Tổng sản lượng thủy sản 5 năm đạt 5.616.188 tấn; trong đó, sản lượng tôm 2.421.093 tấn.

*Ngành công nghiệp*, trọng tâm là công nghiệp chế biến thủy sản<sup>4</sup>, khí - điện - đạm (Cà Mau) và năng lượng đạt kết quả quan trọng vào phát triển kinh tế. Chế biến thủy sản xuất khẩu phát huy được vai trò chủ lực với trên 89 nhà máy chế biến, với tổng công suất thiết kế khoảng 544.000 tấn/năm; sản lượng khí thương phẩm đạt 7,876 tỷ m<sup>3</sup>, khí hóa lỏng gần 635 ngàn tấn, điện 34.496 triệu KWh, đạm 5,385 triệu tấn; đã hoàn thành đưa vào vận hành 16 dự án điện gió với tổng công suất 870,2 MW, cùng với 2.827 hệ thống điện mặt trời mái nhà với tổng công suất 295,494 MWp, góp phần phát triển nhanh lĩnh vực sản xuất năng lượng điện tái tạo.

*Phát triển kinh tế biển* gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh được tăng cường và đạt nhiều kết quả quan trọng; đã thành lập Khu bảo tồn biển nhằm bảo tồn đa dạng sinh học biển gắn với phát triển kinh tế biển. Nhiều dự án động lực đã được triển khai, nhất là các dự án điện gió phát huy hiệu quả, góp phần quan trọng tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an ninh năng lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; công nghiệp khu vực ven biển và hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển, đảo được chú trọng đầu tư; nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống khu vực ven biển được tăng cường; nhiều hợp tác xã và doanh nghiệp đẩy mạnh đầu tư nuôi biển, mở ra triển vọng phát triển mới cho kinh tế biển trong thời gian tới.

*Thương mại, dịch vụ* tăng trưởng khá. Mạng lưới cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ phát triển ngày càng đồng bộ, phương thức hoạt động đa dạng, bảo đảm thông suốt, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân; tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt trên 820 ngàn tỷ đồng. Các loại hình dịch vụ vận tải và logistics, du lịch, tài chính - ngân hàng theo hướng đa dạng hóa các sản phẩm. Thị trường xuất khẩu được mở rộng, sản phẩm đa dạng và chất lượng được nâng lên; tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt hơn 11,3 tỷ USD.

*Du lịch* được quan tâm đầu tư, khách du lịch đến tỉnh và doanh thu du lịch tăng lên. Hiện nay, có 12 điểm du lịch tiêu biểu được Hiệp hội Du lịch đồng bằng sông Cửu Long công nhận, là những điểm đến hấp dẫn của du khách, như: Khu du lịch Đất Mũi, Vườn quốc gia U Minh Hạ, Hòn Đá Bạc, Đầm Thị Tường, khu Nhà Công tử Bạc Liêu, khu Quán Âm Phật Đài, Nhà thờ Tắc Sậy, khu Lưu niệm nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ và Nhạc sĩ Cao Văn Lầu, Quảng trường Hùng Vương và Nhà hát Cao Văn Lầu, các sản phẩm du lịch điện gió,... Ngoài ra, du lịch cộng đồng phát triển khá tốt. Ước 5 năm thu hút 29.648.000 lượt khách (*trong đó, có 389.500 lượt khách quốc tế*); doanh thu du lịch đạt 30.638 tỷ đồng.

*Công tác quy hoạch, phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng nông thôn mới* được thực hiện tích cực, hiệu quả. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm đầu tư xây dựng, từng bước hoàn thiện, đáp ứng nhu cầu đi lại của Nhân dân, nhiều dự án hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư mới, đưa vào sử dụng hiệu quả như: Khu lưu niệm Chuyển tàu tập kết ra Bắc, cầu sông Ông Đốc,

<sup>4</sup> Tổng sản lượng chế biến tôm và thủy sản khác đạt 1.497.817 tấn.

cầu Gành Hào, đường tránh Quốc lộ 1, đường về Khánh Hội, Cái Đôi Vàm, Đầm Dơi, nâng cấp bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu... Khởi công nhiều dự án động lực mới: Cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, Sân bay Cà Mau, Bệnh viện đa khoa 1.200 giường, đường vành đai trong và vành đai ngoài Bạc Liêu, cầu Hoà Bình 2; tuyến đường ĐT.979 kết nối với tuyến cao tốc. Hạ tầng bưu chính, viễn thông ngày càng được mở rộng, chất lượng nâng lên. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được từng bước đầu tư hướng tới mô hình đô thị thông minh. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp được quan tâm đầu tư phục vụ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp, nhiều ô đê bao khép kín mang lại hiệu quả cao trong sản xuất. Kết cấu hạ tầng điện ngày càng hoàn thiện, lưới điện truyền tải, điện sinh hoạt được đầu tư kịp thời, cơ bản đáp ứng nhu cầu điện sản xuất, sinh hoạt cho người dân. Kết cấu hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ; mạng lưới trường học, hạ tầng giáo dục và đào tạo được quan tâm sắp xếp đảm bảo phù hợp với từng địa phương; mạng lưới y tế công lập được đầu tư mở rộng phục vụ tốt cho công tác phòng bệnh và chữa bệnh. Hạ tầng thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao phát huy hiệu quả sử dụng. Hạ tầng trang thiết bị phục vụ hoạt động khoa học - công nghệ đã được đầu tư và khai thác, từng bước phát huy hiệu quả.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được tập trung triển khai thực hiện toàn diện, quyết liệt, đạt kết quả tốt; diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, sạch đẹp, đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên, an ninh, trật tự giữ vững.

*Môi trường đầu tư kinh doanh* được cải thiện, đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, tạo thuận lợi cho phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã và kinh tế hộ gia đình. *Liên kết vùng, tiểu vùng*, hợp tác với các tỉnh, thành được chú trọng.

*Quản lý tài chính, ngân sách* chặt chẽ, kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách được tăng cường; tình hình tài chính - tiền tệ ổn định, huy động vốn và tín dụng ngân hàng tăng trưởng khá, hỗ trợ tích cực phục hồi và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tín dụng chính sách được mở rộng.

*Khoa học, công nghệ* phát triển khá, bám sát nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều tiến bộ kỹ thuật mới đã được áp dụng vào sản xuất, góp phần làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hạn chế rủi ro. Hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, quản lý công nghệ, thị trường công nghệ, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo... thường xuyên được quan tâm và đạt kết quả quan trọng. Nhận thức của doanh nghiệp và người sản xuất về tầm quan trọng của việc cải tiến, đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất, gắn với chuyển đổi số, nhất là ứng dụng trí tuệ nhân tạo ngày càng nâng cao, xem đó là yêu cầu tất yếu, quyết định sự tồn tại, phát triển của doanh nghiệp và quyết định chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của sản phẩm. Hiệu quả bước đầu của việc thay đổi tư duy tạo tiền đề cho bước đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 57-NQ/TW trong thời gian tới.

*Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu* được quan tâm chỉ đạo và có nhiều tiến bộ. Công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quản lý, khai thác tài nguyên nước, khoáng sản được chỉ đạo thực hiện chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thích ứng với biến đổi khí hậu được tăng cường gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh; xây dựng, tổ chức thực hiện khá tốt các kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu. Công tác bảo vệ, phát triển, nâng cao chất lượng rừng và duy trì độ che phủ rừng được chú trọng.

### **3. Xây dựng văn hóa, xã hội tiến bộ trên nhiều mặt**

Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư; phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng và hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp tiếp tục phát triển. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di sản văn hóa, các di tích lịch sử - văn hóa được thực hiện tốt; phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới phát triển nhanh và hiệu quả.

*Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân* ngày càng được cải thiện; chất lượng khám chữa bệnh và năng lực giám sát, dự báo, phát hiện, khống chế dịch bệnh được nâng lên, nhất là phòng, chống dịch COVID-19; quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế được đảm bảo. Các chỉ tiêu quan trọng lĩnh vực y tế cơ bản đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

*Giáo dục - đào tạo* có nhiều tiến bộ; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục các cấp phát triển cả về lượng và chất. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được thực hiện quyết liệt, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia tăng nhanh, đạt 84%. Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục được duy trì và nâng cao mức độ đạt chuẩn. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục được đẩy mạnh. Đào tạo nghề cho người lao động được chú trọng; trình độ, tay nghề của người lao động không ngừng cải thiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu lao động của xã hội. Chất lượng dạy và học tăng dần qua từng năm.

*Phong trào thể dục, thể thao* quần chúng phát triển rộng khắp, đa dạng, trở thành nhu cầu không thể thiếu trong sinh hoạt hằng ngày của Nhân dân. Thể thao thành tích cao được quan tâm đầu tư, từng bước khẳng định vị thế tại đấu trường trong nước và quốc tế.

*Lĩnh vực thông tin và truyền thông* từng bước nâng cao về chất lượng; thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Công tác an toàn, an ninh thông tin được đảm bảo khi kết nối với cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư và các hệ thống thông tin được triển khai tại Trung tâm dữ liệu của địa phương.

*Công tác an sinh xã hội, chăm lo gia đình chính sách, người có công* với cách mạng được thường xuyên quan tâm và đạt nhiều kết quả tốt; nhất là, triển khai kịp thời, hiệu quả việc hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19. Công tác giảm nghèo được chỉ đạo thực hiện quyết liệt, hiệu quả. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh qua các năm. Hoàn thành xây dựng nhà ở cho đối tượng chính sách và Chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát.



*Công tác dân tộc và chính sách dân tộc* luôn được quan tâm thực hiện và đạt được nhiều kết quả nổi bật; các chương trình, dự án, chính sách an sinh xã hội hỗ trợ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số được triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện thường xuyên. *Công tác tôn giáo và quản lý nhà nước về tôn giáo* được quan tâm và tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động theo quy định, với phương châm sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần xây dựng nếp văn hóa và đoàn kết dân tộc.

#### **4. Quốc phòng, an ninh thường xuyên được củng cố, tăng cường; quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh**

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng được củng cố; gắn kết chặt chẽ với thế trận lòng dân vững chắc. Các lực lượng vũ trang được quan tâm xây dựng vững mạnh toàn diện, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để bị động, bất ngờ; ứng phó ngày càng hiệu quả hơn các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, nhất là các nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là vai trò của lực lượng vũ trang trong phòng, chống dịch COVID-19.

Hoạt động đối ngoại từng bước mở rộng, chú trọng tính hiệu quả; duy trì mối quan hệ tốt với các địa phương, đối tác nước ngoài thông qua việc gặp gỡ trao đổi các đoàn hàng năm, nhất là các nước láng giềng, các địa phương có truyền thống hợp tác hữu nghị với tỉnh.

\* *Nhìn chung*, qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, mặc dù trong điều kiện nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là sau Đại hội, đại dịch COVID-19 bùng phát ảnh hưởng nặng nề đến kinh tế, sức khỏe, tính mạng Nhân dân, nhưng Đảng bộ, Chính quyền, quân và dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, thực hiện toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ, đạt được kết quả quan trọng. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được triển khai đồng bộ, hiệu quả; củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; quy hoạch, đào tạo gắn với sắp xếp, bố trí đội ngũ cán bộ được thực hiện đồng bộ, chủ động, chặt chẽ, nghiêm túc. Nhiều nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội thực hiện đạt kết quả tốt; kinh tế tăng trưởng khá; văn hóa - xã hội tiếp tục có tiến bộ; chất lượng giáo dục được nâng lên; các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững thực hiện đạt kết quả thiết thực; tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo giảm mạnh; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của Nhân dân được cải thiện, nâng lên. Quốc phòng bảo đảm vững chắc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội giữ vững. Đặc biệt là năm 2025, năm cuối nhiệm kỳ, tỉnh thực hiện cuộc cách mạng sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp bước đầu đạt hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước tăng lên.

Đạt được kết quả nêu trên là nhờ có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, chặt chẽ của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Trung ương, các bộ, ban, ngành Trung ương, sự ủng hộ, hỗ trợ tích cực của các địa phương trong cả nước; sự lãnh đạo quyết liệt, tinh thần đoàn kết của cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và sự đồng thuận cao của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp.

## II- HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Hạn chế

Việc tổ chức đưa nghị quyết vào cuộc sống một số nội dung còn chậm. Công tác tham mưu cho cấp ủy của một số cơ quan có lúc chất lượng chưa cao; trình độ, năng lực một số cán bộ có lĩnh vực chưa đáp ứng yêu cầu. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức, cơ sở đảng còn thấp. Việc nêu gương, chấp hành kỷ luật, kỷ cương và tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ còn thấp, một số trường hợp vi phạm quy định, pháp luật, phải xử lý. Công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân có cơ quan, đơn vị thực hiện chưa thực chất, chưa đúng quy định. Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội có nơi chưa phát huy tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội; nội dung, phương thức hoạt động chậm đổi mới.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; chỉ số sản xuất công nghiệp còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GRDP thấp, chưa xây dựng được nhiều cụm liên kết ngành công nghiệp. Tiến độ đầu tư, xây dựng một số công trình, dự án trọng điểm chưa đạt kế hoạch đề ra.

Kinh tế biển, ven biển phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; đầu tư phòng chống sạt lở bờ biển, bờ sông còn hạn chế. Hạ tầng giao thông trong tỉnh, kết nối vùng và huy động nguồn lực tư nhân cho phát triển hạ tầng còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đồng bộ, hiện đại; nguồn vật liệu xây dựng, nhất là cát, đá ngày càng khan hiếm, giá cả tăng cao, gây khó khăn và làm tăng chi phí đầu tư. Xây dựng nông thôn mới có mặt chưa toàn diện, thiếu vững chắc. Phát triển đô thị, vệ sinh môi trường có nơi chưa đảm bảo yêu cầu. Kinh tế tập thể phát triển chậm, quy mô nhỏ, hiệu quả hoạt động thấp. Số hộ kinh doanh cá thể chuyển lên doanh nghiệp và số doanh nghiệp phát triển thành doanh nghiệp quy mô lớn còn ít.

Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; hạ tầng phục vụ du lịch và dịch vụ du lịch còn yếu, chưa chuyên nghiệp, hiệu quả thấp; dịch vụ vận tải và logistics phát triển chậm. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu; tỷ lệ chi nghiên cứu khoa học, công nghệ thuộc nhóm địa phương thấp nhất cả nước. Thiết chế văn hóa còn thiếu, vận hành còn nhiều khó khăn. Y tế, giáo dục có mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Đào tạo nghề lao động nông thôn chưa được chú trọng đúng mức; nguồn nhân lực chất lượng cao còn ít, chưa thực sự trở thành khâu đột phá trong phát triển. Tỷ lệ hồ sơ người dân tự thực hiện trực tuyến còn thấp; thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực chưa được đơn giản hóa.

Tội phạm kinh tế, tham nhũng, ma túy... ngày càng phức tạp, tinh vi, việc phát hiện và đấu tranh ngăn chặn gặp nhiều khó khăn. Tình trạng tàu cá ngư dân khai thác vi phạm vùng biển nước ngoài và hoạt động buôn lậu xăng dầu trên biển, gian lận thương mại, tranh chấp ngư trường... chưa được ngăn chặn triệt để. Công tác phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong xử lý một số vụ án, vụ việc chưa chặt chẽ. Công tác giám định, định giá tài sản nhiều vụ việc chưa đáp ứng yêu cầu.

## **2. Nguyên nhân**

### **2.1. Nguyên nhân khách quan**

Tình hình thế giới diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, vượt ngoài khả năng dự báo, đã ảnh hưởng, tác động không nhỏ đến tình hình đất nước và của tỉnh trong suốt nhiệm kỳ đại hội. Đặc biệt, ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19; thời tiết diễn biến phức tạp, thiên tai, biến đổi khí hậu, sạt lở bờ biển, bờ sông, xâm nhập mặn diễn ra nhiều nơi, việc đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động giá vật liệu tăng cao, giá cả nhiều mặt hàng nông sản thấp, bấp bênh... ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân.

Là địa phương xa trung tâm các thành phố lớn, không nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn lạc hậu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh. Việc mời gọi đầu tư, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế còn nhiều khó khăn. Hạ tầng lưới điện không đảm bảo truyền tải cho các dự án điện gió, điện mặt trời, gây lãng phí năng lượng và khó kêu gọi đầu tư dự án mới...

### **2.2. Nguyên nhân chủ quan**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát của một số cấp ủy, chính quyền các cấp có lúc, có nơi chưa cao, hiệu quả còn hạn chế, chưa thể hiện hết quyết tâm, trách nhiệm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có lúc, có nơi chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ. Một số sở, ngành, địa phương xử lý, giải quyết một số vụ việc tồn đọng còn chậm, kéo dài. Việc tranh thủ sự hướng dẫn, giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương còn hạn chế.

Một bộ phận cán bộ trình độ, năng lực chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tinh thần trách nhiệm chưa cao; thực thi công vụ chưa quyết liệt, còn nặng tâm lý sợ rủi ro, sợ trách nhiệm, nên né tránh, đùn đẩy trong xử lý công việc. Doanh nghiệp trong tỉnh hầu hết có quy mô nhỏ và vừa, năng lực cạnh tranh thấp. Việc ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ thông tin còn hạn chế; nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển.

## **III- BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

*Một là*, phải tập trung quyết liệt xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, trước hết là Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy; đặc biệt, phải chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt các cấp có tâm, có tầm, có bản lĩnh, có uy tín, đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

**Hai là**, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành cần phát huy dân chủ, vai trò của tập thể gắn với nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân, đặc biệt là trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu; thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo, phương pháp, lề lối làm việc theo hướng toàn diện, sâu sát, chọn đúng lĩnh vực trọng tâm, khâu đột phá để chỉ đạo; chuyển từ chính quyền thụ động sang kiến tạo, chủ động phục vụ Nhân dân.

**Ba là**, phải đảm bảo hài hòa giữa kế thừa và đổi mới, ổn định và phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết tốt các vấn đề xã hội; giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

**Bốn là**, phải quán triệt, thực hiện nghiêm các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xác định đúng định hướng, mục tiêu phát triển của tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; tổ chức thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả.

**Năm là**, phát huy tối đa nội lực và khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển, lòng yêu quê hương của cán bộ, đảng viên và Nhân dân; đồng thời, tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển tỉnh nhà. Qua thực tế công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch COVID-19, cho thấy: mọi việc muốn thành công, phải có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phải lấy người dân làm trung tâm, là chủ thể, đặt lợi ích, tính mạng và sức khỏe của Nhân dân lên trên hết, trước hết.

## PHẦN THỨ HAI QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

### I- BỐI CẢNH, TÌNH HÌNH

Những năm tới, bối cảnh trong nước và quốc tế dự báo có nhiều chuyển biến tích cực, tạo ra nhiều cơ hội phát triển nhanh hơn: Trên thế giới, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, rô-bốt, Internet vạn vật, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn... tiếp tục phát triển mạnh và tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực. Nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, kinh tế - xã hội sẽ có bước phát triển đột phá; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, vị thế, uy tín đất nước tiếp tục nâng cao trên trường quốc tế. Nội dung, phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng ngày càng được đổi mới theo hướng hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy và thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp phát huy hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng, an ninh và đối ngoại tiếp tục được tăng cường; thế trận lòng dân ngày càng vững chắc, Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; toàn Đảng, toàn dân đang chuẩn bị bước vào kỷ nguyên mới với khí thế cách mạng tiến công, tăng tốc phát triển, quyết tâm thực hiện mục tiêu phát triển đất nước theo định hướng, chủ trương của Đảng.

Tuy nhiên, tình hình thế giới, khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, khó đoán định; cạnh tranh công nghệ, cạnh tranh thương mại, tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, biển, đảo... tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn; ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, triều cường, sạt lở bờ sông, bờ biển ngày càng phức tạp. Cùng với đó, Cà Mau cũng phải đương đầu với những thách thức không nhỏ, cần phải nỗ lực vượt qua, như: Công tác quản lý địa bàn, quản trị hệ thống và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng cao trong điều kiện cơ cấu kinh tế chậm chuyển dịch theo hướng công nghiệp; dân số suy giảm, thiếu hụt lao động, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; vai trò, trách nhiệm của tỉnh địa đầu, tiền tiêu cực Nam Tổ quốc trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng an ninh. Tình hình đó tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước và của tỉnh.

Kết quả quan trọng đạt được trong những nhiệm kỳ qua là nền tảng vững chắc, tạo đà phát triển trong những năm tới. Sau hợp nhất, tỉnh Cà Mau bước vào giai đoạn phát triển mới với không gian rộng lớn, với nhiều tiềm năng, lợi thế nổi trội, có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng, trung tâm vùng biển các nước Đông Nam Á và các tuyến hàng hải quốc tế; Cà Mau không chỉ sở hữu vị thế địa đầu cực Nam Tổ quốc, mà còn là cửa ngõ ra biển lớn, với ba mặt giáp biển của tự nhiên vùng Đất Mũi. Tỉnh hội tụ lợi thế chiến lược: Trung tâm thủy sản quốc gia, có khả năng vươn tầm thế giới; tiềm năng năng lượng tái tạo; vùng xanh tự nhiên, đất ngập nước, rừng ngập mặn và hệ sinh thái biển, đồng bằng đặc thù, là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...; biển, đảo, Mũi Cà Mau mang giá trị sinh thái và an ninh quốc phòng chiến lược. Tiếp tục được sự quan tâm của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đặc biệt là đồng chí Tổng Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ban, bộ ngành Trung ương. Cùng với khát vọng lớn, quyết tâm cao và sự đoàn kết, thống nhất của hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp tạo tiềm lực chính trị tinh thần to lớn thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

Những thuận lợi và thời cơ đó tạo cho Cà Mau có nhiều dư địa để phát triển, nhiều cơ hội để bứt phá vươn lên trên cơ sở khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế; cùng với các nguồn lực được Trung ương ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng đạt kết quả sớm hơn so dự kiến...; các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư hoàn thành theo quy hoạch, kế hoạch. Các lợi thế của hai tỉnh (Cà Mau và Bạc Liêu) trước đây nay sẽ được phát huy mạnh hơn như: Kinh tế biển; nông nghiệp sạch (tôm sinh thái, kết hợp tôm - rừng, lúa - tôm, lúa sạch...); du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, truyền thống văn hóa, lịch sử... đồng thời, phát triển kinh tế của tỉnh sẽ có những đột phá với sự xuất hiện của các yếu tố mới<sup>5</sup>, đó là cơ hội trở thành cực tăng trưởng xanh của Việt Nam, khu vực.

<sup>5</sup> Như: Thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo không nổi lưới (*điện gió, điện mặt trời...*), tiến tới xuất khẩu điện sang các nước lân cận; phát triển ngành công nghiệp sản xuất khí hydrogen (H<sub>2</sub>),

## II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Bám sát và vận dụng sáng tạo quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào tình hình thực tế của địa phương. Gắn kết chặt chẽ và triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó: Phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

2. Phát triển kinh tế - xã hội theo “bộ tứ trụ cột” Trung ương đã xác định, trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh. Gắn phát triển của tỉnh với khu vực đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; xây dựng hình thành một số trung tâm liên kết ngành với quy mô cấp vùng. Gắn chặt phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, xây dựng và phát triển con người; giữ vững quốc phòng, an ninh; phát triển bền vững, quyết tâm đạt tốc độ tăng trưởng 2 con số trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

3. Khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, ý chí tự lực, tự cường và văn hóa, con người; nâng cao chất lượng nguồn lực; đẩy mạnh xây dựng, cụ thể hóa các quy định thuộc thẩm quyền, kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy phát triển.

4. Tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại; phát huy tối đa nguồn lực trong tỉnh, tích cực tranh thủ, thu hút các nguồn ngoại lực; tăng cường liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh, thành phố trong cả nước.

5. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gắn với sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. Đổi mới mạnh mẽ phong cách, lề lối làm việc, sát cơ sở, gần dân, phục vụ Nhân dân; khuyến khích tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, gắn với không ngừng nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

---

Ammoniac (NH<sub>3</sub>),...; các dự án lớn đang tập trung đầu tư, có vai trò bứt phá, kết nối, lan tỏa đầu tư trên địa bàn tỉnh như: Cảng hàng không Cà Mau đạt tiêu chuẩn cấp 4C; tuyến đường cao tốc Cần Thơ - Cà Mau; tuyến đường cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu và đoạn Cà Mau - Đất Mũi; nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh từ thành phố Cà Mau đến Mũi Cà Mau, Quốc lộ 63, Quốc lộ 91B (*Nam Sông Hậu*)... gắn kết với việc hình thành Cảng Hòn Khoai và đường kết nối ra đảo Hòn Khoai sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư hệ thống hạ tầng kết nối đến các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch lớn...; đầu tư, nâng cấp, mở rộng các tuyến đầu nối đến các cụm kinh tế ven biển, các tuyến đường tại các đô thị đồng bộ các hạng mục giao thông, vỉa hè, cấp thoát nước, điện, cấp quang,...; các tuyến kết nối đa phương thức khác; đầu tư các công trình cầu, đường giao thông nông thôn gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Với những điều kiện thuận lợi về hạ tầng sẽ tạo điều kiện thu hút đầu tư các dự án lớn: Khu dịch vụ hậu cần logistics trên đất liền phục vụ cho Cảng Hòn Khoai; phát triển Khu kinh tế Năm Căn, các khu, cụm công nghiệp, Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau, khu du lịch sinh thái Đầm Thị Tường, Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển, khu du lịch Nhà Mát (trong đó, có khu lấn biển)... Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nhiều nhất từ nguồn nguyên liệu tại chỗ, đặc biệt là công nghiệp chế biến tôm là lợi thế nổi trội của tỉnh.

### III- MỤC TIÊU

#### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, toàn diện, ngày càng nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế tư nhân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống, quyết tâm đưa Cà Mau phát triển nhanh, bền vững, không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống của Nhân dân. Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh. Phấn đấu đến năm 2030, Cà Mau - tỉnh địa đầu cực Nam của Tổ quốc, trở thành tỉnh phát triển toàn diện, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

#### 2. Các chỉ tiêu chủ yếu 5 năm 2026 - 2030

##### \* Về kinh tế:

(1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân 5 năm từ 10% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2030 trên 6.000 USD.

(2) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đến năm 2030 khoảng 8,0 - 8,5%/năm.

(3) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm từ 40% GRDP trở lên.

(4) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đến năm 2030 từ 20% trở lên.

(5) Tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm khoảng 17 tỷ USD.

(6) Tổng thu ngân sách 5 năm ít nhất 75.000 tỷ đồng.

(7) Tổng số doanh nghiệp đến năm 2030 khoảng 20.000 doanh nghiệp.

(8) Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 vượt chỉ tiêu quy định.

##### \* Về xã hội:

(9) Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2030 đạt trên 0,7.

(10) Phát triển nhà ở xã hội 5 năm trên 4.200 căn.

(11) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2030 khoảng 80% (trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ: >35%).

(12) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều mới) giảm khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

(13) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội đến năm 2030 dưới 30%.

(14) Đến năm 2030, số giường bệnh/vạn dân đạt khoảng 34,5 giường; số bác sĩ/vạn dân đạt khoảng 14 bác sĩ.

(15) Đến năm 2030, tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia khoảng 90%; 100% trường học có hệ thống nước sạch để uống và nhà vệ sinh tiêu chuẩn.

##### \* Về môi trường:

(16) Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt khoảng 12,4% (không tính diện tích cây phân tán).

(17) Tỷ lệ dân số nông thôn đến năm 2030 sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; trong đó, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt khoảng 65%.

(18) Đến năm 2030, tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 90%; tỷ lệ khu công nghiệp, khu kinh tế đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(19) Tỷ lệ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt đến năm 2030 đạt 95% trở lên.

**\* Về quốc phòng, an ninh:**

(20) Thực hiện công tác tuyển quân, diễn tập hàng năm đạt 100%. Đến năm 2030, có ít nhất 50% địa bàn cấp xã “không ma túy”; phần đầu có 90% xã, phường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.

**\* Về xây dựng Đảng:**

(21) Hàng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

(22) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hàng năm so với tổng số đảng viên đạt từ 3% - 4% trở lên.

#### **IV- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

1. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy phê bình và tự phê bình, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Lãnh đạo, chỉ đạo, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân. Chú trọng công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ năng lực tốt, trách nhiệm cao với công việc, đáp ứng yêu cầu bút phá phát triển của tỉnh.

2. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững: Xác lập mô hình tăng trưởng mới theo hướng đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, tạo sự bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực dựa trên điều kiện thực tế của địa phương. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, chuỗi giá trị; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, bền vững. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng. Xây dựng các khu du lịch lớn, tâm cỡ quốc gia mang tính đặc thù của địa phương để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh. Quyết tâm tăng trưởng kinh tế liên tục hai con số giai đoạn 2025 - 2030.

3. Quy hoạch, triển khai các dự án trọng điểm: Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Cà Mau thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với không gian, định hướng phát triển của tỉnh, của vùng và cả nước. Ưu tiên nguồn lực và quyết tâm, quyết liệt triển khai thực hiện các dự án quan trọng, có tác động và lan tỏa cao, tạo động lực thu hút đầu tư, nhằm tăng trưởng nhanh, bền vững. Đặc biệt chú trọng các dự án về kết cấu hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển, thủy lợi, công trình văn hóa, thể thao, khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có lợi thế về kết nối giao thông; các dự án về phát triển năng lượng sạch, công nghiệp chế biến; các dự án lấn biển; kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển; chỉnh trang, di dời nhà ở ven sông... Rà soát, khai thác sử dụng hiệu quả các công trình, dự án, quỹ đất công, trụ sở cơ quan sau sắp xếp, tuyệt đối không để lãng phí.



4. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo: Huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại; khẩn trương hoàn thành số hóa, hình thành trung tâm dữ liệu số của tỉnh; vận hành hiệu quả chính quyền số, kinh tế số, xã hội số thông qua các mô hình phổ cập và hỗ trợ trực tiếp như “Bình dân học vụ số”, quyết liệt đưa dịch vụ số đến người dân. Hình thành trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và một số khu sản xuất công nghệ cao; tăng cường kết nối trong nước, khu vực và quốc tế. Hỗ trợ, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển một số doanh nghiệp lớn tầm cỡ quốc gia, từng bước vươn ra quốc tế.

5. Phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa - xã hội: Đảm bảo các nguồn lực để nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế, quản lý xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, xây dựng nguồn lực con người thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực cho sự phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới. Có giải pháp thực hiện hiệu quả chính sách dân số, nâng cao chất lượng dân số và giữ vững mức sinh thay thế, bảo đảm số lượng dân số, góp phần ngăn chặn xu hướng sụt giảm dân số và già hóa dân số. Củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ khoa học, công nghệ và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu phát triển. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý xã hội, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; giải quyết tốt các chính sách xã hội đối với các đối tượng theo quy định.

6. Bảo đảm quốc phòng - an ninh: Tiếp tục xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, có lực lượng dự bị động viên hùng hậu, lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh, làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch. Tăng cường đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; ứng phó kịp thời với thiên tai, dịch bệnh; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ.

## V- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Đột phá về thể chế, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật, nhằm khơi thông các nguồn lực, tạo động lực cho tăng trưởng: Tập trung xây dựng các chính sách thuận lợi để thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tư nhân; phát triển lực lượng sản xuất, xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với phát triển mạnh mẽ kinh tế biển, kinh tế số, kinh tế xanh, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, thương mại - dịch vụ, logistics, du lịch sinh thái...; đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn tối đa các thủ tục đầu tư, tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp.

2. Đột phá phát triển nguồn nhân lực: Chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hút được người có năng lực, trình độ cao, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp, người đứng đầu thực sự có phẩm chất đạo đức, có uy tín, năng lực thực tiễn, bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đột phá vì lợi ích chung.

3. Đột phá phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, trong đó ưu tiên: Hạ tầng giao thông, sân bay, cảng biển, thủy lợi, hạ tầng năng lượng; hạ tầng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển các trung tâm khởi nghiệp; hạ tầng các khu kinh tế, khu, cụm công nghiệp; các dự án về năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến nông sản và thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **VI- CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh toàn diện; nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng**

### ***1.1. Tăng cường xây dựng Đảng về chính trị***

Kiên định, vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng vào tình hình thực tiễn địa phương; kiên định đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao chất lượng cụ thể hóa, ban hành chủ trương, nghị quyết của cấp ủy tỉnh; bảo đảm mọi nghị quyết, chủ trương của tỉnh phải đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sát tình hình thực tiễn địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trí tuệ, vai trò nêu gương, tính chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng các cấp và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp.

### ***1.2. Xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận***

Đẩy mạnh công tác tổng kết thực tiễn; đổi mới, làm tốt công tác tư tưởng, lý luận; nắm chặt diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng chất lượng công tác điều tra dư luận xã hội và đánh giá sự hài lòng của người dân; chủ động nắm bắt, nghiên cứu, dự báo tình hình, định hướng và xử lý đúng đắn, kịp thời các vấn đề về tư tưởng. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức mới. Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; quản lý có hiệu quả an ninh mạng. Chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ.

### ***1.3. Xây dựng Đảng về đạo đức***

Tăng cường giáo dục, thực hiện nghiêm chuẩn mực đạo đức cách mạng, đạo đức công vụ, đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương; kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện lệch lạc, xử lý nghiêm hành vi vi phạm đạo đức. Thực hiện nghiêm việc tự phê bình và phê bình. Tuyên truyền, cổ vũ, nhân rộng các điển hình tiêu biểu về rèn luyện, thực hành đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên; kịp thời tuyên dương các gương sáng về đạo đức, tạo sự lan tỏa trong Đảng bộ và xã hội. Đề cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, coi trọng danh dự, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện có hiệu quả trách nhiệm giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, cán bộ chủ chốt.

### ***1.4. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; tập trung xây dựng tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên***

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tập trung sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, các đơn vị hành chính các cấp trong tinh tinh, gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện nghiêm chủ trương của Đảng về thống nhất quản lý biên chế của hệ thống chính trị; bảo đảm sự đồng bộ, liên thông giữa các quy định của Đảng với pháp luật, quy định của Nhà nước về tổ chức, bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương.

Tập trung xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới, gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, theo hướng gần dân, trọng dân, sát dân, nói đi đôi với làm. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; kiện toàn tổ chức cơ sở đảng đồng bộ với sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Thường xuyên rà soát, sàng lọc đưa đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Thực hiện tốt công tác tạo nguồn, kết nạp đảng viên mới; quan tâm phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp. Đổi mới mạnh mẽ chất lượng sinh hoạt chi bộ, công tác kiểm điểm, tự phê bình và phê bình, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên hằng năm theo hướng coi trọng chất lượng; kịp thời chấn chỉnh tổ chức cơ sở đảng yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; kịp thời xem xét, kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cán bộ bảo đảm chặt chẽ, thận trọng, đúng quy định; thực hiện đầy đủ, kịp thời chính sách cán bộ.

### ***1.5. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới***

Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ và bảo đảm quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ quản lý

doanh nghiệp nhà nước. Đổi mới các khâu trong công tác cán bộ bảo đảm thực chất, hiệu quả; thực hiện đánh giá cán bộ đúng thực chất, gắn với tinh giản biên chế theo lộ trình 5 năm đúng quy định. Xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự tiêu biểu về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực nổi trội, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Lựa chọn, bố trí cán bộ thực sự có đức, có tài, khát vọng cống hiến, vì sự phát triển của tỉnh, vì hạnh phúc của Nhân dân vào các vị trí lãnh đạo, quản lý. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là trình độ, kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát quyền lực, phòng, chống tiêu cực trong công tác cán bộ thực chất, hiệu quả. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương; coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng; nâng cao ý thức trách nhiệm, lòng tự trọng, danh dự của cán bộ, đảng viên. Kịp thời khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; miễn nhiệm, cho từ chức, thay thế cán bộ yếu kém về năng lực, trách nhiệm, uy tín thấp, có sai phạm, mà không chờ đến hết nhiệm kỳ. Sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Kiên quyết phòng, chống các biểu hiện bè phái, “lợi ích nhóm” và chia rẽ làm mất đoàn kết nội bộ.

#### ***1.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng***

Quán triệt, thực hiện nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng. Thực hiện hiệu quả Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp trong tỉnh. Tăng cường giám sát thường xuyên, giám sát chuyên đề, nhằm ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm. Chú trọng kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực nhạy cảm, dễ vi phạm, tiêu cực, tham nhũng, lãng phí và những vụ việc nổi cộm, bức xúc, được dư luận quan tâm, nhất là lĩnh vực xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng đất công.

Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ theo quy định. Phối hợp chặt chẽ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả giữa công tác kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan bảo vệ pháp luật và giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân. Kiện toàn tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra và xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ kiểm tra các cấp.

#### ***1.7. Đổi mới công tác dân vận, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng***

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân vận của Đảng, dân vận chính quyền; thắt chặt, làm sâu sắc hơn mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên về công tác

dân vận; phát huy quyền làm chủ và vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và Nhân dân. Gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

Nâng cao chất lượng phong trào thi đua "*Dân vận khéo*"; duy trì và nhân rộng các phong trào thi đua yêu nước, các mô hình điển hình tiên tiến. Nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Tổ chức có hiệu quả, thực chất để Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh; tham gia giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị và phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

### **1.8. *Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực***

Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, các biểu hiện "*tự diễn biến*", "*tự chuyển hóa*", "*lợi ích nhóm*" trong nội bộ. Khuyến khích bảo vệ những người đổi mới, sáng tạo, phục vụ đắc lực nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện đồng bộ phương châm: "*không thể*", "*không dám*", "*không muốn*", "*không cần*" trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; tôn vinh những tấm gương liêm chính để củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Nâng cao tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; thực hiện quyết liệt, thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Xây dựng và thực hiện văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định, định giá tài sản, đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ án, vụ việc tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thu hồi triệt để tiền, tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án, vụ việc.

### **1.9. *Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đảng***

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, biên chế của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng. Xây dựng, thực hiện đúng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, các cấp ủy và tổ chức đảng trực thuộc Tỉnh ủy; thực hiện đúng quy chế chất vấn trong Đảng. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với chính quyền và các cơ quan trong hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ, quy trình công tác, không bao biện, làm thay hoặc buông lỏng vai trò lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng.

Đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành chủ trương, nghị quyết của cấp ủy theo hướng ngắn gọn, trọng tâm, bám sát thực tiễn; kịp thời sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp, gắn với tăng cường năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước; bảo đảm các chủ trương ban hành thực hiện được ngay. Kịp thời sơ kết, tổng kết thực tiễn, rút ra các bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng cơ sở dữ liệu tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và văn kiện của Đảng, kết nối các cơ sở dữ liệu khác, phục vụ hiệu quả công tác xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện.

## **2. Cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả thể chế, cơ chế, chính sách của Đảng, Nhà nước; vận dụng xây dựng chính sách phù hợp tình hình địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững**

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về đẩy mạnh phân cấp quản lý “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Vận dụng xây dựng, cụ thể hóa và triển khai thực hiện hiệu quả thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước phù hợp thực tiễn địa phương, nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong các lĩnh vực.

## **3. Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

### ***3.1. Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới; đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, năng lượng sạch, gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao***

Tập trung phát triển kinh tế theo bốn trụ cột: (1) Hoàn thiện hạ tầng giao thông kết nối, nhất là hệ thống cao tốc, sân bay, cảng biển để triển khai thực hiện các khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp có lợi thế; phát triển đồng bộ hạ tầng số. (2) Phát triển kinh tế biển: Phát triển mạnh năng lượng tái tạo (*nhất là, điện gió, hướng đến xuất khẩu điện*); nâng cao hiệu quả khai thác biển, gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia; đầu tư và từng bước khai thác hiệu quả cảng biển; phát triển công nghiệp chế biến giá trị gia tăng cao. (3) Phát triển nông nghiệp sạch, công nghệ cao; chủ lực là tôm và lúa. (4) Đẩy mạnh phát triển dịch vụ - du lịch: Dựa trên lợi thế sẵn có và giá trị lịch sử, bản sắc văn hóa đặc sắc của địa phương.

Rà soát điều chỉnh quy hoạch tỉnh bảo đảm phát huy tối đa không gian, lợi thế của từng địa bàn; hình thành không gian kinh tế và phát triển theo các khu vực kinh tế, cực tăng trưởng và khu vực phát triển trọng điểm về kinh tế, văn hóa. Điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế theo các hướng:

- Quy hoạch trung tâm động lực: Khu vực thành phố Cà Mau (cũ) thành Trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh. Khu vực thành phố Bạc Liêu (cũ) thành Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, thương mại, du lịch, nghỉ dưỡng; phát triển hạ tầng giao thông hiện đại kết nối nhanh hai trung tâm. Ngoài ra, quy hoạch các vùng theo hệ sinh thái nước mặn, nước ngọt, nước lợ, gắn với cây trồng, vật nuôi phù hợp là thế mạnh, lợi thế cạnh tranh của Cà Mau.

- Quy hoạch phát triển trên các lĩnh vực:

+ Kinh tế đô thị (tại các phường: Bạc Liêu, Vĩnh Trạch, Hiệp Thành, Giá Rai, Láng Tròn, Lý Văn Lâm, Hòa Thành, Tân Thành, An Xuyên và các xã: Phước Long, Gành Hào, Sông Đốc, Năm Căn, Đất Mũi): Tập trung phát triển thương mại, dịch vụ, công nghiệp. Quy hoạch, đầu tư phát triển các đô thị động lực, gồm: (1) đầu tư xây dựng các phường thuộc thành phố Cà Mau cũ thành đô thị hiện đại, văn minh, xứng tầm là Trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, thương mại - dịch vụ và trung tâm y tế của tỉnh; (2) các phường thuộc thành phố Bạc Liêu cũ thành trung tâm văn hóa - nghệ thuật, giáo dục - đào tạo, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và thương mại, dịch vụ - du lịch; (3) phường Giá Rai và phường Láng Tròn thành đô thị vệ tinh gắn với phát triển các khu, cụm công nghiệp công nghệ cao; (4) xã Sông Đốc, xã Gành Hào, xã Tân Thuận thành đô thị biển, phát triển mạnh dịch vụ hậu cần nghề cá, công nghiệp chế biến thủy sản và thương mại - du lịch; (5) xã Năm Căn, xã Đất Mũi thành đô thị hiện đại, sinh thái; phát triển Khu kinh tế Năm Căn gắn với thương mại, dịch vụ logistics hậu cần cho Cảng Hòn Khoai và phát triển du lịch, nghỉ dưỡng.

+ Kinh tế biển (tại các đảo Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc và 19 xã, phường ven biển...): Đầu tư khai thác biển hiệu quả, bền vững, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hiện đại hóa đội tàu khai thác xa bờ, gắn với phát triển các dịch vụ hậu cần nghề cá; phát triển có chọn lọc nghề nuôi biển ở những khu vực phù hợp. Đầu tư phát triển mạnh điện gió ven bờ và ngoài khơi, gắn với xuất khẩu điện. Từng bước khai thác hiệu quả cảng biển Hòn Khoai, gắn với quy hoạch phát triển đô thị và công nghiệp, dịch vụ khu vực Đất Mũi. Phát triển du lịch, khai thác giá trị cảnh quan, lịch sử, sinh thái đặc thù, gắn với bảo tồn tài nguyên và bảo đảm quốc phòng - an ninh. Ưu tiên đầu tư có chọn lọc, phù hợp với chức năng từng đảo, khu vực bãi bồi, lấn biển... hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù kết hợp trải nghiệm khám phá, giáo dục truyền thống, du lịch sinh thái biển đảo.

+ Kinh tế ven biển<sup>6</sup>: Tập trung quy hoạch và phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, xây dựng chuỗi giá trị chế biến thủy sản sạch. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng ven biển (đường, cảng cá, bến neo đậu, logistics, điện năng lượng tái tạo). Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn rừng ngập mặn và văn hóa cộng đồng.

<sup>6</sup> Tại 19 xã, phường: Phường Hiệp Thành, xã Vĩnh Hậu, xã Đông Hải, xã Long Điền, xã Gành Hào, xã Tân Thuận, xã Tân Tiến, xã Tam Giang, xã Tân Ân, xã Phan Ngọc Hiền, xã Đất Mũi, xã Đất Mới, xã Cái Đôi Vàm, xã Phú Tân, xã Sông Đốc, xã Khánh Hưng, xã Đá Bạc, xã Khánh Lâm và xã U Minh.

Tăng cường trồng, bảo vệ rừng ven biển; củng cố đê kè, quản lý khai thác tài nguyên hợp lý. Ưu tiên các mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao đời sống cư dân ven biển.

+ Kinh tế nông nghiệp<sup>7</sup>: Quy hoạch, đầu tư hệ thống thủy lợi để giữ ngọt và mở rộng vùng ngọt hóa, tăng diện tích sản xuất tôm - lúa. Ưu tiên nguồn lực hỗ trợ đầu tư hạ tầng, kỹ thuật, đào tạo, chứng nhận quốc tế và liên kết doanh nghiệp - nông dân để nhân rộng mô hình tôm - lúa chất lượng cao, góp phần đạt mục tiêu 50.000 ha đến năm 2030.

+ Sản xuất, chế biến muối<sup>8</sup>: Ổn định diện tích sản xuất muối có hiệu quả, mở rộng diện tích những nơi có điều kiện; nâng cao sản lượng và chất lượng muối; đầu tư phát triển công nghiệp chế biến muối, tăng giá trị sản phẩm và mở rộng thị trường tiêu thụ muối thương phẩm, phát huy giá trị thương hiệu Muối Bạc Liêu.

+ Nghiên cứu quy hoạch và xây dựng một số hồ chứa nước ngọt ở khu vực phù hợp thuộc địa bàn các xã: Biển Bạch, Nguyễn Phích, U Minh, Khánh Lâm... để cung cấp nước phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt cho nhân dân trong mùa khô. Quy hoạch, đầu tư xây dựng hồ nước ngọt (thuộc khu vực các xã phía Bắc của tỉnh, nơi có nguồn nước ngọt từ sông Hậu) và đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước để cung cấp nước sinh hoạt cho các đô thị (thành phố Cà Mau cũ, thành phố Bạc Liêu cũ và các khu vực lân cận...), từng bước hạn chế và tiến tới dừng khai thác nước ngầm ở khu vực đô thị sau năm 2030, chống sụt lún ở các đô thị, góp phần bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

Đẩy mạnh đầu tư công, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng. Tái cơ cấu chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào hạ tầng kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, hỗ trợ dẫn dắt đầu tư ngoài ngân sách. Đổi mới phương thức hoạt động, nâng cao năng lực tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, nhất là trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, giáo dục, y tế, văn hóa. Đẩy mạnh xã hội hoá trong cung cấp dịch vụ công.

### **3.2. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp, tạo bứt phá trong phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, công nghiệp chế biến nông, thủy sản**

Cơ cấu lại ngành công nghiệp, phân bố không gian phát triển công nghiệp gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế trọng điểm. Khuyến khích hình thành các cụm liên kết công nghiệp, hiện đại hoá một số ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động. Có cơ chế, chính sách phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, như: Năng lượng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dịch vụ, văn hóa, du lịch...

<sup>7</sup> Tại các xã: Phước Long, Vĩnh Thanh, Vĩnh Lợi, Vĩnh Mỹ, Vĩnh Phước, Vĩnh Lộc, Hồng Dân, Ninh Quới, Ninh Thạnh Lợi, Hưng Hội, Châu Thới, Phong Thạnh, Phong Hiệp, Tân Lộc, Trí Phải, Thới Bình, Biển Bạch, Hồ Thị Kỳ, Khánh An, Nguyễn Phích, U Minh, Khánh Lâm, Khánh Bình, Đá Bạc, Khánh Hưng, Trần Văn Thời và các phường: Giá Rai, Láng Tròn, Lý Văn Lâm, An Xuyên.

<sup>8</sup> Tại các xã: Vĩnh Hậu, Long Điền, Đông Hải, Gành Hào, Tân Thuận.



Đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư tại các khu kinh tế, khu công nghiệp đang hoạt động để nâng cao hiệu quả đầu tư; xử lý các vướng mắc, nút thắt (nhất là, khâu giải phóng mặt bằng) để thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế Năm Căn, gắn với logistics cảng Hòn Khoai. rà soát các khu, cụm công nghiệp có vị trí kết nối hạ tầng giao thông thuận lợi để ưu tiên thực hiện giải pháp mặt bằng, thu hút đầu tư. Mở rộng cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm theo quy hoạch; quy hoạch phát triển công nghiệp dọc tuyến cao tốc Cà Mau - Đất Mũi, trọng tâm là địa bàn các xã: Trí Phải, Thới Bình, Hồ Thị Kỷ, Khánh Bình, Lương Thế Trân...; hình thành các khu, cụm công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp tại một số vùng sản xuất tập trung, nhất là xây dựng các nhà máy chế biến gạo, sản phẩm chế biến từ lúa gạo để xuất khẩu ở khu vực các xã có vùng nguyên liệu lớn và thuận lợi giao thông thủy, bộ.

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW của Bộ Chính trị “*về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*”. Chú trọng phát triển hạ tầng năng lượng, nhất là năng lượng mới, năng lượng sạch, bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ. Chuẩn bị các điều kiện triển khai đề án xuất khẩu điện. Chỉ đạo sớm triển khai dự án Nhà máy điện khí LNG Bạc Liêu; xử lý các vướng mắc, triển khai nhanh các dự án điện gió theo quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030; thu hút đầu tư, phát triển năng lượng mới (*Hydro xanh, Amoniac xanh*), gắn với xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông sản (*gạo, rau, củ, quả*), gỗ, thủy sản, muối; công nghiệp may mặc; cơ khí chế tạo nông cụ phục vụ sản xuất nông nghiệp; xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phù hợp để thu hút các nhà máy chế biến thủy sản, thức ăn, thuốc thú y, phục vụ chuỗi liên kết giá trị ngành nông nghiệp, nhất là ngành tôm. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động (nhất là, lao động trong nông nghiệp), tạo việc làm, nâng cao thu nhập. Duy trì, phát triển bền vững làng nghề truyền thống, kết hợp với du lịch.

### **3.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, chuỗi giá trị**

Tập trung quy hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm quy hoạch nông thôn để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa hiện đại, sạch, bền vững. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất, chế biến và phát triển thị trường. Phát triển các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp hiện đại; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, giá trị gia tăng cao, gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm; đẩy mạnh liên kết sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, nông thôn. Nghiên cứu, thành lập Quỹ ngoài ngân sách nhà nước để thúc đẩy liên kết sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

Quy hoạch, hình thành, phát triển chuỗi liên kết giá trị ngành tôm (từ sản xuất tôm giống, tôm thương phẩm, thức ăn, chế biến xuất khẩu, truy xuất nguồn gốc). Quy hoạch, phát triển vùng nuôi tôm công nghệ cao tập trung 10.000 ha<sup>9</sup> và ở một số khu vực có điều kiện phù hợp; hạn chế phát triển nuôi tôm công nghệ cao phân tán, quy mô hộ gia đình tại các khu vực không có quy hoạch; phát triển mạnh nuôi tôm sinh thái<sup>10</sup>, tôm quảng canh cải tiến và quảng canh tại các khu vực nuôi tôm còn lại; mở rộng diện tích, nâng cao hiệu quả sản xuất tôm - lúa, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao ở các khu vực có điều kiện phù hợp<sup>11</sup>; quy hoạch vùng nuôi trồng thủy sản bền vững, an toàn, quy mô lớn, công nghệ cao dọc tuyến Đê Đông. Đồng thời, phát triển nuôi xen canh cua, sò huyết với tôm ở những khu vực thích hợp; phát huy thế mạnh thương hiệu sản phẩm Cua Cà Mau theo hướng sản xuất hàng hóa, cung ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Chuyển một số diện tích trồng lúa kém hiệu quả ven biển sang cây trồng, vật nuôi phù hợp. Mở rộng diện tích lúa - tôm gắn với lúa hữu cơ - tôm sạch. Cơ bản ổn định diện tích chuyên lúa, kết hợp trồng lúa với bảo tồn và phát triển nguồn lợi cá đồng; nuôi dưỡng sản sinh những mầm sống thủy sinh, thủy sản, đa dạng sinh học quý hiếm mang lại nguồn lợi giá trị lớn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Tiếp tục xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn, vùng nguyên liệu lúa tập trung, phát thải thấp, chất lượng cao phục vụ xuất khẩu và thị trường xuất khẩu nông sản.

Đa dạng hóa kinh tế nông thôn: Phát triển diêm nghiệp tại những nơi có điều kiện thuận lợi; đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao chất lượng thương hiệu muối Bạc Liêu; thực hiện chuyển đổi diện tích sản xuất muối đen, sản xuất thủ công, năng suất, chất lượng, thu nhập thấp sang nuôi Artemia. Khuyến khích chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao, mô hình liên kết chăn nuôi sinh thái, xanh, hữu cơ. Phát triển mạnh kinh tế lâm nghiệp, trong đó tập trung công nghiệp chế biến gỗ, giá trị gia tăng cao, khai thác tối đa nguồn lợi dưới tán rừng, gắn với bảo vệ, phát triển rừng; kết hợp hiệu quả dịch vụ du lịch sinh thái trong lâm phần; tập trung trồng rừng tại các bãi bồi, khu kè lấn biển; xây dựng cơ chế, chính sách khai thác hiệu quả và phát huy lợi thế tín chỉ các - bon từ rừng.

Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa nông thôn. Phát triển kinh tế nông thôn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động nông thôn theo hướng hiện đại, phù hợp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tập trung xây dựng đồng bộ hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng, nâng cấp, mở rộng đường giao thông nông thôn theo phương thức "*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*". Cải thiện chất lượng dịch vụ xã hội ở khu vực nông thôn để nâng cao chất lượng sống, chăm lo đời sống nhân dân, góp phần ổn định xã hội và giảm nghèo bền vững.

<sup>9</sup> Vùng nuôi tôm công nghệ cao tập trung ở khu vực xã Vĩnh Hậu, xã Hòa Bình, xã Đông Hải (khoảng 10.000 ha).

<sup>10</sup> Vùng nuôi tôm sinh thái ở các xã: Tân Thuận, Tân Tiến, Tam Giang, Tân Ân, Phan Ngọc Hiền, Đất Mũi, Đất Mới, Cái Đoi Vàm;

<sup>11</sup> Vùng lúa - tôm ở các xã: Ninh Thạnh Lợi, Phước Long, Vĩnh Phước, Vĩnh Lộc, Hồng Dân, Phong Thạnh, Phong Hiệp, Trí Phải, Biên Bạch, Nguyễn Phích, U Minh, Khánh An...

### **3.4. *Đẩy mạnh phát triển dịch vụ, văn hóa, du lịch***

Cơ cấu lại ngành dịch vụ trên nền tảng công nghệ hiện đại; phát triển mạnh một số ngành dịch vụ có lợi thế, hàm lượng tri thức cao, như: Du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics và tài sản số,... Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng, hiệu quả các tổ chức tín dụng, thị trường tiền tệ. Tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp, người dân; ưu tiên lĩnh vực phát triển của tỉnh. Đồng thời, mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng chính sách xã hội và tạo thuận lợi cho các hoạt động tài chính vi mô. Tăng cường công tác xúc tiến thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, sản phẩm, tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường (chú trọng phát triển thị trường trong nước); phấn đấu 5 năm, xuất khẩu đạt khoảng 17 tỷ USD; ngành thương mại - dịch vụ 5 năm đạt khoảng 1,45 triệu tỷ đồng. Phát triển thị trường bất động sản và nhà ở an toàn, lành mạnh, hiệu quả. Công khai, minh bạch thông tin quy hoạch xây dựng, danh mục, tiến độ triển khai các dự án bất động sản. Triển khai đồng bộ, liên thông thị trường lao động về quy mô, chất lượng, ngành nghề; nâng cao trách nhiệm quản lý nhà nước về việc làm, lao động, xuất khẩu lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; các dịch vụ môi giới, giới thiệu việc làm. Đẩy mạnh phát triển thị trường khoa học, công nghệ, thị trường điện tử, hàng hóa, dịch vụ và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

Xây dựng hoàn chỉnh quy hoạch du lịch phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Khai thác tối đa lợi thế về du lịch sinh thái, tâm linh và văn hóa. Đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, phương thức đầu tư, tạo sự bứt phá để du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế quan trọng. Khẩn trương đầu tư xây dựng các khu du lịch trọng điểm, như: Khu du lịch Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Đầm Thị Tường, Khu du lịch Nhà Mát (kể cả khu lán biên); du lịch sinh thái kết hợp sản xuất nông nghiệp dọc theo trục cao tốc Cần Thơ - Cà Mau... Đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch có thương hiệu, chất lượng, sức cạnh tranh cao, gắn kết khai thác các dịch vụ để phát huy tốt lợi thế của địa phương. Tập trung đầu tư, tổ chức lại và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động dịch vụ du lịch trọng điểm. Tổ chức sự kiện văn hóa, thể thao khu vực và quốc tế để quảng bá, thu hút du khách.

Hình thành, phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản; xây dựng thương hiệu du lịch của tỉnh mang sắc thái riêng đặc sắc của địa phương và bản sắc văn hóa, con người Việt Nam nói chung. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong mọi hoạt động ngành du lịch; đồng thời, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

### **3.5. *Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển***

Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển có lợi thế: Nuôi trồng, khai thác hải sản; dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch, dịch vụ, đô thị du lịch sinh thái biển; kinh tế hàng hải, cảng biển; dầu khí; công nghiệp ven biển, chế biến, xuất khẩu các sản phẩm từ biển; năng lượng tái tạo; diêm nghiệp và các ngành kinh tế biển mới. Hình thành một số trung tâm nghề cá lớn; thúc đẩy nuôi trồng hải sản trên biển, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi hải sản, phát triển bền vững và nâng cao giá trị gia tăng.

Kết nối các tuyến hành lang đường bộ ven biển với các tuyến đường nội tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế biển. Tăng cường đầu tư hạ tầng, phát triển kinh tế khu vực Đảo Hòn Chuối. Chủ động phối hợp với bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh xây dựng Cảng Hòn Khoai theo mô hình cảng tổng hợp, lưỡng dụng, hướng đến phát triển thành cảng nước sâu kết nối giao thương quốc tế, bảo đảm mạnh về kinh tế, vững về quốc phòng, an ninh; đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để khai thác hiệu quả mô hình cảng lưỡng dụng Hòn Khoai.

Hỗ trợ, tạo điều kiện để người dân ven biển chuyển đổi sinh kế từ những hoạt động có nguy cơ xâm hại, tác động tiêu cực đến môi trường biển sang nghề mới bền vững, ổn định, nâng cao thu nhập. Chú trọng bảo vệ môi trường, bảo tồn, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đa dạng sinh học biển; quản lý chặt chẽ khai thác tài nguyên biển. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, ven biển với củng cố quốc phòng, an ninh.

**3.6. Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước. Phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân trở thành động lực phát triển. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, tập trung thu hút để phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác**

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước; đổi mới cơ chế quản lý, từng bước phát triển quy mô và địa bàn hoạt động để doanh nghiệp nhà nước đóng góp hiệu quả hơn vào quá trình phát triển kinh tế của tỉnh.

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò then chốt của kinh tế tư nhân, xem đây là động lực quan trọng của nền kinh tế. Đẩy mạnh tuyên truyền, cổ vũ các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả, khích lệ tinh thần kinh doanh trong toàn xã hội. Nghiêm cấm các hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, thông tin sai lệch, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, doanh nhân.

Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng; bảo đảm doanh nghiệp được tiếp cận đầy đủ về đất đai, hạ tầng, thủ tục hành chính và các nguồn lực phát triển... Hình thành một số doanh nghiệp lớn tầm cỡ quốc gia, khu vực, từng bước vươn ra quốc tế (*trong lĩnh vực thủy sản, năng lượng, logistics, công nghệ cao*). Cơ quan nhà nước phải đồng hành, cởi mở, thân thiện, liêm chính phục vụ, kiến tạo phát triển và hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững.

Có cơ chế, chính sách hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ và vừa, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các ngành nghề đặc thù (doanh nghiệp sản xuất muối,...). Bố trí đủ nguồn lực ngân sách kết hợp huy động nguồn lực xã hội (quỹ đầu tư của doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, ngành hàng...) để thực hiện chương trình, chính sách hỗ trợ; thúc đẩy phát triển vườn ươm doanh nghiệp. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; đổi mới xúc tiến thương mại,

quảng bá thương hiệu; hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân xây dựng thương hiệu và mở rộng xuất khẩu thủy sản (nhất là, thị trường Halal toàn cầu), gạo, sản phẩm của Cà Mau. Ban hành quy định, chính sách hỗ trợ phát triển công nghệ chế biến.

Đẩy mạnh số hoá, minh bạch hoá, đơn giản hoá thủ tục thuế, bảo hiểm, kế toán, đất đai... để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp. Thực hiện mạnh mẽ giao dịch điện tử, nhất là trong lĩnh vực đất đai (rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải phóng mặt bằng...). Sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu, cụm công nghiệp... Rà soát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong các dự án đầu tư công, đầu tư ngoài ngân sách còn tồn đọng trên địa bàn tỉnh, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng.

Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân nghiên cứu, đầu tư vào công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, công nghệ tài chính, y tế, giáo dục thông minh... Hỗ trợ đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn; thực hiện đầy đủ chính sách ưu đãi thuế theo quy định.

Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI; có chính sách thu hút vốn FDI phù hợp lợi thế của địa phương. Thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân đầu tư mở rộng, phát triển cung ứng dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao, công nghiệp văn hóa, giải trí. Nâng cao hiệu quả hợp tác công - tư (PPP) trong phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, công nghệ thông tin, truyền thông, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chí lựa chọn.

Rà soát, hoàn thiện, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “*Phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2025 - 2030*”; đẩy mạnh Chương trình “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP), gắn với xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường, hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm. Tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp và phi nông nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, công nghệ, thị trường. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển kinh tế hộ; khôi phục, phát triển các làng nghề truyền thống, gắn với phát huy các giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường.

### **3.7. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ**

Đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu nhiệm kỳ, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội, thúc đẩy hợp tác công - tư; đặc biệt là các dự án quan trọng, chiến lược đã có chủ trương, ý kiến chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh theo quy hoạch. Rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc từng dự án; đặt biệt là công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm, các chương trình mục tiêu quốc gia.

Phát triển mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại theo hành lang kinh tế động lực (đường bộ, thủy, hàng không, cảng biển). Đầu tư các tuyến đường giao thông đến các khu vực trọng điểm phát triển kinh tế, du lịch, di tích lịch sử - văn hóa, về trung tâm các xã, liên xã, gắn với các trục giao thông chính của tỉnh, tuyến quốc lộ, cao tốc... Xây dựng hạ tầng, công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu,

vừa phục vụ sản xuất, giao thông, vận tải đường thủy, phòng, chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu. Có giải pháp khắc phục tình trạng khan hiếm nguồn vật liệu xây dựng (nhất là cát, đá) để bảo đảm tiến độ thi công các công trình.

Rà soát, điều chỉnh, triển khai thực hiện hiệu quả, đồng bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị, đề án nâng loại đô thị. Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư công trình, dự án, hạ tầng thiết yếu bảo đảm chống ngập đô thị (tại các phường: An Xuyên, Tân Thành, Lý Văn Lâm, Bạc Liêu, Vĩnh Trạch...); chỉnh trang, di dời nhà ở ven sông; cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các đô thị. Phát triển, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp, gắn với phát triển đô thị; quy hoạch, ưu tiên bố trí quỹ đất, đẩy nhanh tiến độ xây dựng phát triển nhà ở xã hội.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp, phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, hạ tầng số, giáo dục, y tế... đáp ứng yêu cầu phát triển và nhu cầu sáng tạo, văn hóa của Nhân dân. Phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung, mạng truyền dữ liệu chuyên dùng; triển khai giải pháp số thống nhất, an toàn, kết nối thông suốt từ tỉnh đến cơ sở. Hình thành, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo; chủ động tìm kiếm công nghệ mới trong và ngoài nước, hợp tác chuyển giao công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học.

*(kèm theo Phụ lục số II, các công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm theo thứ tự ưu tiên giai đoạn 2026 - 2030)*

#### **4. Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người**

Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người; xây dựng con người Cà Mau đạo đức, trí tuệ, năng động, hào sảng, nghĩa tình. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc. Coi trọng vai trò của Nhân dân là trung tâm của phát triển văn hóa, vừa là chủ thể sáng tạo, người truyền bá và thụ hưởng các giá trị văn hóa. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh gắn với xây dựng, hoàn thiện phẩm chất, nhân cách con người Cà Mau.

Nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân, thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, tầng lớp Nhân dân; chú trọng phát triển văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số. Gắn kết chặt chẽ, hài hòa phát triển kinh tế với văn hóa. Phát huy vai trò của gia đình, cộng đồng, xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa, bảo vệ, gìn giữ thuần phong mỹ tục, tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết, nghĩa tình, trọng đạo lý.

Đẩy mạnh phát triển đồng bộ các lĩnh vực văn hóa. Bảo tồn, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử; phát huy hiệu quả các giá trị di sản, di tích văn hóa, lịch sử và các giá trị văn hóa, truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc. Có chính sách hỗ trợ các bộ môn nghệ thuật truyền thống như: Đờn ca tài tử Nam Bộ, nghệ thuật nhạc trống lớn, âm nhạc và múa truyền thống Khmer. Nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, nghệ thuật; phát triển các sản phẩm, loại hình văn hóa độc đáo của

Bạc Liêu và Cà Mau trước đây có sức lan tỏa để quảng bá, giới thiệu đến bạn bè trong nước và quốc tế.

Chăm lo đội ngũ văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn hóa, nhất là văn hóa cơ sở. Phát triển các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật. Đề cao, khuyến khích vai trò tiên phong của đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, doanh nhân và những người làm công tác văn hóa. Khuyến khích, động viên, tôn vinh kịp thời những tác giả, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về văn hóa, truyền thống vùng đất, con người Cà Mau, đề văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh cho động lực phát triển. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong văn hóa. Chuyển đổi số trong xây dựng, phát triển và quản lý văn hóa.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động báo, chí; kịp thời cung cấp thông tin để thực hiện công tác tuyên truyền, phục vụ nhu cầu thông tin cho Nhân dân và nhiệm vụ chính trị. Tăng cường quản lý, phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số; hợp tác, quảng bá các giá trị văn hóa vùng đất Cà Mau nói riêng, Việt Nam nói chung ra thế giới. Chú trọng xây dựng, phát triển văn hóa chính trị, văn hóa kinh doanh, đạo đức doanh nhân. Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu trong rèn luyện, giữ gìn đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa ứng xử của cán bộ, đảng viên, công chức. Phát triển, lan tỏa các giá trị văn hóa, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp; bài trừ hình thức văn hóa lai căng, lạc hậu ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục; đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hóa và truyền thống cách mạng.

### **5. Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại**

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị “*về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*”. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực, ngành, nghề mới. Đa dạng hoá loại hình cơ sở đào tạo; phát triển các phương thức đào tạo mở, các nền tảng dạy và học trực tuyến, học liệu số, bảo đảm điều kiện học tập suốt đời.

Tiếp tục quan tâm đầu tư, xây dựng, nâng cấp cơ sở trường, lớp, trang thiết bị, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập trong môi trường số và hội nhập quốc tế. Nghiên cứu khai thác hiệu quả mặt bằng, cơ sở vật chất, trụ sở làm việc của các cơ quan đảng, nhà nước tại phường Bạc Liêu (trung tâm hành chính tỉnh cũ) để mời gọi đầu tư một số trường, lớp học chất lượng cao. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên. Phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập. Phát triển giáo dục thường xuyên đa dạng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu học tập của người dân. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, thể lực, phẩm chất người học, chuẩn hóa chất lượng đầu ra. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục quốc phòng, an ninh.

Đẩy nhanh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; phát triển giáo dục số, giáo dục thông minh, giáo dục sáng tạo, giáo dục thích ứng với sự phát triển của trí tuệ nhân tạo; đồng thời, trang bị cho học sinh, sinh viên các kỹ năng thiết yếu để thích ứng học tập, làm việc hiệu quả, an toàn trong không gian số, công dân toàn cầu. Quan tâm công tác đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Hiện đại hoá phương thức đào tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trí tuệ nhân tạo. Có kế hoạch đưa cán bộ, học sinh, sinh viên đi đào tạo ở nước ngoài.

Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập suốt đời; phát triển các mô hình, phương thức, phong trào học tập suốt đời theo hướng đa dạng hoá, phù hợp với các đối tượng, điều kiện địa phương. Phát huy vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc đẩy mạnh phát triển xã hội học tập; nâng cao ý thức tự học, tự rèn luyện, tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của người dân, mọi lứa tuổi. Tăng cường đào tạo từ xa, đào tạo trên nền tảng số; hỗ trợ những người yếu thế có điều kiện để học tập. Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào các hoạt động khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập. Phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, gắn với triển khai cơ chế, chính sách thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài.

#### **6. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị “*về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”, gắn với chương trình, kế hoạch Chuyển đổi số của Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương. Triển khai sâu rộng phong trào “*Bình dân học vụ số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; phấn đấu mỗi gia đình đều có người biết và sử dụng cơ bản trên nền tảng số.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, triển khai các nhiệm vụ, phương thức quản lý khoa học, công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu. Bố trí nguồn lực phù hợp để đầu tư xây dựng hạ tầng và từ 3 đến 5% ngân sách nhà nước cho sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đồng thời, cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Xây dựng hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, cơ sở đào tạo và phát triển nhân lực chất lượng cao.

Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an toàn dữ liệu của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số, không gian mạng.



Mở rộng trao đổi, kết nối với các đối tác quốc tế, nhất là quốc gia có nền khoa học tiên tiến, hiện đại. Xúc tiến hình thành khu công nghiệp công nghệ cao, gắn với khu đô thị sân bay Cà Mau. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, quy định về khoa học, công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng.

Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Tập trung nguồn lực triển khai nhanh các dự án trong khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất, chế biến các sản phẩm thế mạnh của tỉnh; tinh thần khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp, người dân. Đẩy mạnh sản xuất thông minh, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

### **7. Quản lý phát triển xã hội bền vững, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội**

Chăm lo tốt gia đình chính sách, người có công; triển khai hệ thống an sinh xã hội đa tầng, toàn diện, hiện đại, thích ứng linh hoạt; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng; ưu tiên cho các đối tượng chính sách, yếu thế..., kiên quyết *“không để ai bị bỏ lại phía sau”*.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và khuyến khích, tạo điều kiện để hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, làm giàu chính đáng; triển khai hiệu quả Đề án hỗ trợ sinh kế cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh kinh tế khó khăn; phấn đấu đến năm 2030, cơ bản không còn hộ nghèo. Bảo đảm an ninh lương thực, chế độ dinh dưỡng cho người dân, nhất là vùng dân tộc thiểu số, nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Bảo đảm mức sống của gia đình chính sách, người có công từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa; chăm sóc, bảo vệ người già và trẻ em, nhất là trẻ em gái.

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW của Bộ Chính trị *“về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân”*. Tăng cường quản lý hoạt động y tế và công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe Nhân dân. Phát triển, nâng cao chất lượng mạng lưới y tế. Quy hoạch, đào tạo, thu hút đội ngũ cán bộ y tế có chuyên môn, y đức; nhất là, y tế cấp xã, bảo đảm khám chữa bệnh ngay từ cơ sở; củng cố năng lực hệ thống y tế dự phòng; phát triển bác sĩ gia đình ở các đô thị, khu dân cư. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số ở các cơ sở y tế. Xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hoàn thành bệnh viện 1.200 giường, tập trung nghiên

cứu, tận dụng mặt bằng, cải tạo các trụ sở cơ quan đảng, nhà nước tại phường Bạc Liêu để đầu tư xây dựng các cơ sở y tế, giáo dục theo hướng hiện đại. Quy hoạch, đầu tư xây dựng các trung tâm dưỡng lão lâu dài (như: Trung tâm dưỡng lão tại khu vực Nhà Mát, phường Hiệp Thành và tại các phường: An Xuyên, Tân Thành, Lý Văn Lâm...) nhằm phục vụ cho việc điều dưỡng, chăm sóc tập trung người cao tuổi. Chú trọng, khuyến khích phát triển mô hình liên thông, liên kết trong đào tạo, tư vấn, hội chẩn, chuyển giao kỹ thuật... trong ngành y tế, các bệnh viện tỉnh với bệnh viện ngoài tỉnh và tuyến Trung ương. Đồng bộ mạng lưới và kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất khám, chữa bệnh, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư; triển khai mô hình bệnh viện kết hợp nghỉ dưỡng sinh thái tại các khu du lịch. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở y tế ngoài công lập. Đến năm 2030, đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế; hướng đến miễn viện phí theo kế hoạch của Trung ương. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về dân số; bảo đảm tỷ suất sinh và mức sinh thay thế, ngăn chặn suy giảm dân số; phát triển số lượng, chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng, bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững lâu dài của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Nâng cao chất lượng lao động, sàn giao dịch việc làm trên nền tảng số, bảo đảm nhanh chóng, hiệu quả, bền vững. Chú trọng đào tạo các ngành, nghề đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ cho người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động; phát triển công nghiệp, dịch vụ và kinh tế nông thôn để thu hút lực lượng lao động trong tỉnh đang làm việc ngoài tỉnh trở về lao động, làm việc tại tỉnh.

### **8. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu**

Tăng cường quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quản lý chặt chẽ đất công, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư, khai thác tốt nguồn vốn từ giá trị quyền sử dụng đất. Tập trung nguồn lực giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch tại các khu kinh tế, khu công nghiệp có lợi thế về giao thông kết nối để thu hút đầu tư. Triển khai các dự án lấn biển tại xã Đất Mũi, phường Hiệp Thành gắn với đầu tư khu hậu cần Cảng Hòn Khoai, khu du lịch Nhà Mát. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Tăng cường công tác quản lý, cấp phép khai thác, tận thu khoáng sản khi nạo vét đường thủy nội địa, cửa sông, cửa biển để làm vật liệu san lấp, tăng thu ngân sách.

Quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên; kiểm soát và bảo vệ môi trường; bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái biển, đất ngập nước; phát triển, nâng cao độ che phủ và chất lượng rừng; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, nhất là sử dụng lãng phí, hủy hoại tài nguyên, chặt phá cây rừng, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, gây ô nhiễm môi trường... Nâng cao chất

lượng điều tra cơ bản, công tác quy hoạch, bảo đảm cân đối giữa khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên. Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sụt lún, sạt lở, xâm nhập mặn do biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp công trình và phi công trình; tăng cường dự báo, cảnh báo thiên tai, quan trắc môi trường biển, biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường; quan tâm cải thiện chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân, nhất là ở vùng nông thôn.

Triển khai nhanh Đề án khai thác nước mặt, từng bước hạn chế và tiến tới dừng khai thác nước ngầm làm nước sinh hoạt. Chú trọng đầu tư các công trình bảo đảm an ninh nguồn nước; đầu tư, nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung, ưu tiên vùng sâu, vùng xa. Khai thác, sử dụng hiệu quả hồ chứa nước ngọt và triển khai đầu tư các hồ chứa nước ngọt theo quy hoạch. Đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị; cải tạo, phục hồi các ao hồ, sông, kênh mương ô nhiễm, quy hoạch bổ sung các hồ điều hòa tại các đô thị lớn. Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn, hoàn thiện quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực xã hội để phát triển hạ tầng thu gom, phân loại, xử lý chất thải (nhất là chất thải rắn); đẩy mạnh phân loại tại nguồn; đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý rác (tại các xã: Phước Long, Vĩnh Lợi, Đất Mới, Khánh An, Gành Hào hoặc Tân Thuận) công nghệ hiện đại. Huy động các nguồn lực, hợp tác công - tư và sự tham gia của tư nhân trong bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

### **9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại**

Quán triệt, thực hiện nghiêm, hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng về quốc phòng, an ninh. Xây dựng, củng cố nền quốc phòng và thế trận quốc phòng toàn dân, nền an ninh và thế trận an ninh nhân dân gắn với xây dựng thế trận lòng dân, khu vực phòng thủ vững chắc, tập trung xây dựng hoàn thành khu vực Sở Chỉ huy thống nhất của tỉnh. Thực hiện hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh.

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của cấp ủy đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của chính quyền đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân. Xây dựng lực lượng Quân đội, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng, bảo đảm chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu cao, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an cấp xã vững mạnh toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Làm tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên.

Nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật; triển khai đồng bộ các biện pháp quản lý, bảo vệ an ninh biên giới biển. Tăng cường công tác kiểm soát, quản lý xuất nhập cảnh, giám sát chặt chẽ người và phương tiện ra, vào, hoạt động trên biển. Khai thác hiệu quả hệ thống quản lý thiết bị giám sát hành trình tàu cá để quản lý, phòng chống khai thác IUU và phục vụ tìm kiếm cứu nạn. Chủ động phòng ngừa, tấn công, trấn áp các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm ma túy; bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống cháy, nổ. Nâng cao năng lực tác chiến trên không gian mạng; bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh an toàn thông tin, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân. Thực hiện tốt chính sách đối với lực lượng vũ trang, chính sách hậu phương quân đội và công an.

### **10. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế**

Mở rộng quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế và thúc đẩy ngoại giao Nhân dân, góp phần quan trọng hỗ trợ huy động nguồn lực, phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Chủ động phối hợp với các bộ, ngành, đơn vị có liên quan xây dựng tổng thể chương trình đối ngoại; định kỳ đánh giá, rút kinh nghiệm và đề ra nhiệm vụ, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

Đổi mới công tác ngoại giao kinh tế theo hướng phục vụ cho phát triển, ưu tiên các động lực tăng trưởng chủ yếu như xuất khẩu, đầu tư, du lịch, nông nghiệp, công nghiệp năng lượng và các động lực tăng trưởng mới (như chuyển đổi số, phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, đổi mới sáng tạo...). Xây dựng và triển khai Đề án hợp tác với một số đối tác trọng tâm. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch và quảng bá thương hiệu, hình ảnh của tỉnh ở nước ngoài thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số (như: Thiết lập nền tảng các website; triển lãm trưng bày sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh trên nền tảng số (*gian hàng ảo*)) để các khách hàng, đối tác dễ tiếp cận.

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) mà Việt Nam đã tham gia, nhằm giúp doanh nghiệp và người dân khai thác hiệu quả cơ hội. Nghiên cứu, tiếp cận thị trường lớn, phù hợp để phát huy các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, như: Xuất khẩu thủy sản, điện, phân bón,... Đổi mới hoạt động xúc tiến thương mại theo hướng gắn kết với chương trình xúc tiến thương mại của các bộ, ngành; hằng năm, tổ chức một số hoạt động xúc tiến thương mại quy mô lớn tại một số tỉnh, thành phố trọng điểm. Nghiên cứu thực hiện chuyển giao dịch vụ xúc tiến thương mại theo đơn đặt hàng. Nâng cao năng lực tiếp nhận, quản lý vốn đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và giao lưu Nhân dân. Duy trì, phát triển quan hệ hợp tác toàn diện với các địa phương nước ngoài đã thiết lập quan hệ hợp tác; đồng thời, mở rộng quan hệ với một số địa phương của Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan (Trung Quốc) và với các tỉnh, thành phố, tập đoàn kinh tế lớn trong cả nước. Tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế đến Cà Mau.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, gắn với phát triển cảng biển, logistics, sân bay, hạ tầng giao thông; thu hút các doanh nghiệp khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, phát triển điện gió ngoài khơi, năng lượng sạch, năng lượng mới tiến tới hợp tác xuất khẩu điện cho các nước trong khu vực.

### **11. Phát huy mạnh mẽ vai trò chủ thể của Nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc**

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả pháp luật về dân chủ ở cơ sở, với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*”. Thực hiện nguyên tắc Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, theo phương châm “trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, vì dân”.

Tăng cường đối thoại, tiếp xúc trực tiếp với Nhân dân và giải quyết kịp thời những yêu cầu chính đáng của Nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động quần chúng hướng tới sự đồng thuận, khơi dậy khát vọng phát triển, trí tuệ, trách nhiệm của Nhân dân. Khuyến khích, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở; chống các biểu hiện dân chủ hình thức. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, lấy ý kiến Nhân dân; phát triển chính quyền số, nâng cao minh bạch, trách nhiệm giải trình. Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức công dân trong phát triển tinh bền vững, dân chủ và đồng thuận.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, tổ chức tự quản cộng đồng trong đại diện thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân; trong tập hợp, vận động, giám sát, phản biện xã hội; bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng dân chủ gây mất ổn định chính trị - xã hội. Giải quyết hài hòa lợi ích giữa các thành viên trong xã hội; quan tâm đối tượng yếu thế trong xã hội.

Chú trọng thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc và công tác tôn giáo, quản lý nhà nước về tôn giáo. Tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tôn giáo; xây dựng, phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển quê hương.

### **12. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền địa phương 2 cấp tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả**

Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước của chính quyền các cấp. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực tham mưu, quản lý, xây dựng chính sách, chiến lược, kế hoạch, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chính quyền.

Triển khai, cụ thể hóa thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nâng cao chất lượng và mức độ hài lòng của người dân; kịp thời sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của chính quyền các cấp đúng quy định. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm, đạo đức công vụ. Xây dựng văn hóa, lễ lối, phong cách làm việc hiện đại, văn minh, lấy người dân làm trung tâm, đối tượng phục vụ. Xử lý nghiêm các biểu hiện tiêu cực, nhũng nhiễu, gây khó dễ cho người dân, doanh nghiệp; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi.

Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân; phát huy các thiết chế trợ giúp pháp lý, hỗ trợ tư pháp, giải quyết tranh chấp ngoài tòa án, góp phần xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân. Nâng cao năng lực quản trị nhà nước dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, chính quyền số. Phát triển nhân lực pháp luật và tư pháp đủ số lượng, chất lượng, cơ cấu hợp lý.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra trong thời điểm có ý nghĩa hết sức đặc biệt. Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, hạnh phúc, phồn vinh, thịnh vượng của dân tộc. Với ý chí, niềm tin và khát vọng phát triển, Đại hội khẳng định quyết tâm của toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh, phát huy tinh thần đoàn kết, chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Nơi nhận:

- Đại biểu dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I,
- Lưu Hồ sơ Đại hội.

**T/M TỈNH ỦY  
BÍ THƯ**



**Nguyễn Hồ Hải**



PHỤ LỤC I

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(kèm theo Báo cáo số 01-BC/TU, ngày 18/10/2025 của Tỉnh ủy)

-----

TT	CHỈ TIÊU	DVT	Tổng GRDP năm 2025 (CM-BL)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc tổng 5 năm)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>A</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU ĐỀ XUẤT TRONG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH CÀ MAU LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030</b>									
<b>I</b>	<b>Chỉ tiêu kinh tế</b>									
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá so sánh	Tỷ đồng	91.053	99.051	108.467	119.473	132.506	146.600	10,0%	10% (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)
	+ Ngu, nông, lâm nghiệp	"	32.549	33.770	35.239	36.948	38.943	41.240	4,8%	
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	23.292	26.320	29.926	34.175	39.336	44.265	13,7%	
	+ Dịch vụ	"	31.232	34.668	38.654	43.293	48.704	55.036	12,0%	
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	3.980	4.294	4.649	5.058	5.523	6.059	8,8%	
	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng	172.033	193.549	218.628	247.907	282.320	322.000	13,4%	
	+ Ngu, nông, lâm nghiệp	"	59.968	64.466	69.430	74.915	81.058	87.948	8,0%	
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	41.677	48.554	56.663	66.182	77.433	89.863	16,6%	
	+ Dịch vụ	"	62.777	72.194	83.384	96.726	112.685	131.842	16,0%	
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	7.611	8.335	9.151	10.085	11.144	12.347	10,2%	
	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)	%	100,00	100	100	100	100	100		
	+ Ngu, nông, lâm nghiệp	%	34,9	33,3	31,8	30,2	28,7	27,3		
	+ Công nghiệp, xây dựng	%	24,2	25,1	25,9	26,7	27,4	27,9		
	+ Dịch vụ	%	36,5	37,3	38,1	39,0	40,0	40,9		
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	%	4,4	4,3	4,2	4,1	3,9	3,9		
	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	80					> 150		

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Tổng GRDP năm 2025 (CM-BL)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc tổng 5 năm)	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
	<i>(Quy đổi ra USD)</i>	USD	3.200					> 6000		8.500 USD (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
2	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội	%	6 - 8	6,5 - 8	6,5 - 8	7 - 8,5	7,5 - 8,5	8,0 - 8,5		8,5% (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	72.000	80.000	90.000	100.000	110.000	125.000	40% GRDP	40% GDP (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP	%						20		30% (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
5	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	2.600	2.800	3.100	3.400	3.700	4.000	17.000		
6	Tổng thu ngân sách	Tỷ đồng	11.463	11.400	13.270	14.900	16.600	18.830	75.000		
7	Tổng số doanh nghiệp	DN	10.000	11.400	13.050	15.000	17.300	20.000			
8	Tỷ lệ đô thị hóa	%	35 - 45	Vượt chỉ tiêu cấp trên giao							50% (Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022)
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu xã hội</b>										
9	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,694	0,699	0,704	0,709	0,715	>0,7		0,75 (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
10	Phát triển nhà ở xã hội	Căn	610	490	773	853	853	1.185	4.200	Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025	
11	Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo	%	65	68	71	74	77	80			
	<i>Trong đó: có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	27,5	29	30,5	32	33,5	35		35 - 40% (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
12	Tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm	%		1 - 1,5	1 - 1,5	1 - 1,5	1 - 1,5	1 - 1,5		Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030	
13	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	43,1	38	36	34	32	30		20% (Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022) <20% (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)	
14	Số giường bệnh/vạn dân đạt khoảng	Giường	30	31,34	32,13	32,92	33,71	34,5			
	Số bác sĩ/vạn dân đạt khoảng	Bác sĩ	13,05	13,24	13,43	13,63	13,82	14,0			
	Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia	%	84	85	86	87	88	90			





TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Tổng GRDP năm 2025 (CM-BL)	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030	Tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 (hoặc tổng 5 năm)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Dân số	Người	2.144.791	2.150.135	2.154.946	2.159.603	2.164.417	2.169.100		
2	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,3	75,3	75,4	75,4	75,4	75,5		75 - 75,5 tuổi (Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng)
3	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế	Người	1.102.575	1.104.508	1.106.515	1.108.632	1.110.735	1.112.966		
4	Tỷ trọng lao động có việc làm trong nền kinh tế	%	98,20	98,20	98,20	98,21	98,22	98,23		
5	Tỷ lệ thất nghiệp	%	2,14	2,18	2,15	2,12	2,09	2,06		
6	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng	Triệu đồng	5,30	5,83	6,47	7,18	7,90	8,77		
7	Tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh									
	Trong đó - Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	88,5	89,8	91,1	92,4	93,7	95		
8	Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới		78,2	82	84	86	88	90		
<b>II Chỉ tiêu môi trường</b>										
9	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	99	99	99	99	99	99		
10	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	100	100	100	100	100		
11	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	90	91	92	93	94	95		



**Phụ lục I.1**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA TỈNH CÀ MAU GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

(kèm theo Báo cáo số 01-BC/TU, ngày 17/10/2025 của Tỉnh ủy)

-----

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2021 - 2025 (%)	Ghi chú
				Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)		
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội</b>														
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá năm 2010	Tỷ đồng	40.048,89	39.032,87	97,46	41.774,53	107,02	45.095,73	107,95	48.291,13	107,09	52.160,00	108,00	5,43	Không đạt (theo Nghị quyết Đại hội)
	- Ngư, nông, lâm nghiệp	"	13.231,97	13.600,42	102,78	14.293,78	105,10	14.771,49	103,34	15.280,26	103,44	15.815,00	103,50	3,63	
	+ Thủy sản	"	10.883,29	11.186,35	102,78	11.550,81	103,26	11.920,59	103,20	12.322,00	103,37	12.753,22		3,22	
	+ Nông nghiệp	"	1.934,51	1.988,38	102,78	2.234,12	112,36	2.329,46	104,27	2.403,59	103,18	2.487,70		5,16	
	+ Lâm nghiệp	"	414,16	425,69	102,78	508,86	119,54	521,43	102,47	554,67	106,37	574,08		6,75	
	- Công nghiệp, xây dựng	"	13.011,26	11.589,89	89,08	12.165,28	104,96	13.812,54	113,54	15.044,73	108,92	16.550,00	110,00	4,93	
	+ Công nghiệp	"	10.916,13	9.087,13	p	9.540,96	104,99	11.009,96	115,40	11.921,57	108,28	13.114,22		3,74	
	. Khí thương phẩm	"	1.363,75	1.123,17	82,36	872,64	77,69	1.064,55	121,99	1.121,80	105,38	1.234,05		1,98	
	. Chế biến, chế tạo	"	4.274,47	4.034,69	94,39	4.469,24	110,77	4.329,89	96,88	4.553,89	105,17	5.009,63		3,22	
	. Điện	"	5.175,92	3.843,86	74,26	4.114,93	107,05	5.535,18	134,51	6.160,23	111,29	6.776,12		5,54	
	. Nước	"	101,99	85,42	83,75	84,15	98,51	82,34	97,85	85,65	104,02	94,42		1,53	
	+ Xây dựng	"	2.095,13	2.502,76	119,46	2.624,32	104,86	2.802,58	106,79	3.123,16	111,44	3.435,78		10,40	
	- Dịch vụ	"	12.072,94	12.087,19	100,12	13.563,46	112,21	14.672,46	108,18	15.996,42	109,02	17.660,00	110,40	7,90	
	+ Bán buôn và bán lẻ	"	3.073,76	3.160,44	102,82	3.656,11	115,68	3.974,13	108,70	4.369,54	109,95	4.821,18		9,42	
	+ Vận tải	"	475,04	423,74	89,20	512,85	121,03	591,32	115,30	693,79	117,33	766,44		10,04	
	+ Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"	817,39	696,42	85,20	1.020,81	146,58	1.194,64	117,03	1.413,27	118,30	1.554,08		13,71	
	+ Dịch vụ khác	"	7.706,75	7.806,59	101,30	8.373,69	107,26	8.912,37	106,43	9.519,82	106,82	10.518,30		6,42	
	- Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	1.732,73	1.755,37	101,31	1.751,99	99,81	1.839,24	104,98	1.969,72	107,09	2.135,00	108,39	4,26	
2	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng	61.144,84	62.630,08	102,43	71.774,86	114,60	79.639,41	110,96	87.535,46	109,91	98.750,00	112,81	10,06	
	+ Ngư, nông, lâm nghiệp	"	21.236,80	22.310,18	105,05	25.590,58	114,70	26.340,66	102,93	27.887,24	105,87	30.250,00	108,47	7,33	
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	17.029,83	16.587,69	97,40	18.875,81	113,79	22.723,79	120,39	25.191,03	110,86	29.000,00	115,12	11,23	
	+ Dịch vụ	"	20.248,16	20.924,27	103,34	24.309,70	116,18	27.341,81	112,47	30.913,92	113,06	35.500,00	114,83	11,88	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2021 - 2025 (%)	Ghi chú
				Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)		
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	2.630,05	2.807,94	106,76	2.998,78	106,80	3.233,16	107,82	3.543,28	109,59	4.000,00	112,89	8,75	
3	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)	%	100,0	100,0		100,0		100,0		100,0		100,0			Không đạt
	+ Ngư, nông, lâm nghiệp	%	34,73	35,62		35,65		33,07		31,86		30,6			
	+ Công nghiệp, xây dựng	%	27,85	26,49		26,30		28,53		28,78		29,4			
	+ Dịch vụ	%	33,12	33,41		33,87		34,33		35,32		35,9			
	+ Riêng thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,30	4,48		4,18		4,06		4,05		4,1			
4	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	51,2	53,5	104,5	54,9	102,6	65,9	120,0	72,6	110,17	82,0	112,95	9,88	Vượt
5	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	2,10	6,10		3,73		5,50		6,16		6,7-7			Vượt
6	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	17.107	20.166	118	23.138	114,7	24.479	105,8	26.757	109,3	31.000	115,9	12,63	(31%) Đạt
7	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	5,37	5,47		5,68		6,35		6,54					
8	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.015	1.116	110,0	1.311	117,5	1.202	91,7	1.265	105,2	1.350	106,7	5,87	
9	Thu ngân sách	Tỷ đồng	6.308	5.871	93,1	5.369	91,4	5.748	107,1	6.158	107,1	5.986	97,2	1,04	
10	Tổng số doanh nghiệp	DN	4.340	4.091	94,3	4.562	111,5	5.005	109,7	5.352	106,9	6.100	114,0	7,05	
11	Tổng số Hợp tác xã	HTX	230,0	258,0	112,2	232,0	89,9	288,0	124,1	259,0	89,93	337,0	130,1	7,94	
12	Tổng số Tổ hợp tác	THT	1.623	1.398	86,1	1.435	102,6	1.511	105,3	13.330	88,0	1.498	112,6	1,59	
13	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	52,0	56,0		65,9		70,7		78,0		80,0			Vượt
14	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%				5,6		5,2		15,6		30,0			Vượt
15	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%													
16	Tỷ lệ đô thị hóa	%	26,5	27,0		30,0		32,0		33,0		35,0			Vượt
17	Phát triển nhà ở xã hội	Căn										263,0			
18	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,668	6,672		6,687		0,699		0,694					
19	Tuổi thọ bình quân	Tuổi	74,92	74,94		75,10		75,40		75,45					





**Phụ lục I.2**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA TỈNH BẠC LIÊU GIAI ĐOẠN 2020 - 2025**

(kèm theo Báo cáo số 01 -BC/TU, ngày 17/10/2025 của Tỉnh ủy)

-----

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2021 - 2025 (%)	Ghi chú
				Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)		
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội</b>														
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá năm 2010	Tỷ đồng	27.515	28.976	105,31	31.405	108,38	33.777	108	36.013	106,62	39.254	109,0	7,37	Không đạt theo Nghị quyết Đại hội
	+ Ngu, nông, lâm nghiệp	"	12.386,15	13.088	105,67	13.791	105,37	14.549,78	105	15.569	107,01	16.737	107,5	6,21	
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	4.636,78	4.855	104,72	5.316	109,49	5.767,86	108	6.099	105,74	6.703,00	109,9	7,65	
	+ Dịch vụ	"	9.002,15	9.488	105,40	10.733	113,12	11.789,2	110	12.592	106,81	13.970	110,9	9,19	
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	1.489,60	1.544	103,68	1.564	101,27	1.670,1	107	1.753,4	104,99	1.844	105,2	4,36	
2	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá hiện hành	"	43.862	47.251	107,73	54.662	115,68	59.816	109	65.625	109,71	74.157	113,0	11,07	
	+ Ngu, nông, lâm nghiệp	"	19.583,84	20.954,50	107,00	23.781,26	113,49	24.832	104	27.389,14	110,30	29.863	109,0	8,80	
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	6.783,74	7.364,38	108,56	9.146,99	124,21	10.334	113	11.048,90	106,92	12.607	114,1	13,20	
	+ Dịch vụ	"	15.129,85	16.420,69	108,53	19.027,02	115,87	21.705	114	24.006,97	110,61	28.076	116,9	13,16	
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	2.364,87	2.511,35	106,19	2.706,95	107,79	2.945	109	3.180,18	107,99	3.611	113,5	8,83	
3	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)		100,00	100,00		100,00		100,00		100,00		100,00			Không đạt
	+ Ngu, nông, lâm nghiệp	%	44,65	44,35		43,51		41,51		41,74		40,27			
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	15,47	15,59		16,73		17,28		16,84		17,00			
	+ Dịch vụ	"	34,49	34,75		34,81		36,29		36,58		37,86			
	+ Riêng thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	"	5,39	5,31		4,95		4,92		4,84		4,87			
4	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	triệu đồng/người/năm	48,02	51,44	107,14	59,30	115,27	64,65	109	70,66	109,30	79,5-80,5			Không đạt
	(Quy đổi ra USD)	USD	2.073	2.218	106,99	2.500	112,71	2.695	108	2.773	102,89	3.058-3.096			
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	25.596,00	32.457		28.867	88,94	29.507	102,22	31.704	107,45	37.330	117,75		
6	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	9,61	8,02		7,87		7,26		6,41		10,13		1,1	
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	27,7	27,7		30,62		35,48		40,69		45		10,2	Đạt
8	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội	%	39,50	39,15		39,27		42,08		42,28		42,10			
	Tổng số lao động	Người	482.820	470.708	97,49	472.390	100,36	473.997	100	475.580	100,33	477.168	100,3	0,2	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2021 - 2025 (%)	Ghi chú
				Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)		
9	Số lao động qua đào tạo	Người	34.568	10.524	30,44	14.500	137,78	14.880	103	15.380	103,36	14.000	91,0	16,5	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	63,44	65,07		67,36		69,70		71,98		74,01		3,1	Đạt
	Số lao động có bằng cấp chứng chỉ (từ Cao đẳng trở xuống)	Lao động	34.068	9.530	27,97	14.000	146,90	14.239	102	14.880	104,50	13.500	90,7	16,9	
	Tỷ lệ có bằng cấp chứng chỉ	%	23,97	24,67		25,63		26,75		28,20		28,95		3,8	
10	Giải quyết việc làm	Người	26.275	18.843	71,71	19.718	104,64	23.001	116,6	23.108	100,47	18.500	80,06	6,8	
	+ Trong tỉnh	Người	4.170	5.990	143,65	4.105	68,53	4.581	111,6	5.021	109,60				
	+ Ngoài tỉnh	Người	16.764	12.853	76,67	15.613	121,47	18.420	118,0	18.087	98,19				
	+ Lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Người	160	70	43,75	351	501,43	483	137,6	624	129,19	500	80,1	25,6	
11	Số hộ nghèo	hộ	1.061	793	74,74	7.233	912,11	3.886	54	1.581	40,68	1.453	0,92	6,5	
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (theo chuẩn mới)	%	0,47	0,35	74,47	3,19	911,43	1,71	54	0,69	40,35	0,64	0,93	6,4	Đạt
	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	0,86	0,12		1,90		1,48		1,02		0,05	0,05	43,4	
12	Số giường bệnh/vạn dân	Giường	26,5	27,5	103,77	29,29	106,51	29,78	102	30,16	101,28	30	99,5	2,5	Đạt
13	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	88,57	72,42		81,20		87,37		88,58		95,0			Đạt
14	Tỷ lệ số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới	%	100,0	100,0		100,0		100,0		100,0		100,0			
	+ Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	%	16,33	30,61		30,61		36,73		42,86		48,98			
	+ Huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	1	2	200,00	2	100,00	2	100	2	100,00	4	200,0	32,0	
15	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	99,86	99,90		99,94		99,98		99,98		100,00			
16	Tỷ lệ rác thải đô thị và khu, cụm công nghiệp được thu gom xử lý	%	78,70	77,60		90,10		89,90		91,40		91,40			
17	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn	%	79	80		81		82		84		85			Đạt
18	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%		83,30		83,30		91,60		91,60		91,60			
19	Tỷ lệ che phủ rừng	%	1,77	1,61		1,61		1,62		1,62		1,62			
20	Quy mô nền kinh tế của tỉnh	Tỷ đồng	43.862,3	47.250,9	107,73	54.662,2	115,68	59.816,2	109	65.625,2	109,71	74.910,0	114,1	11,3	
21	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	380.753	402.405	105,69	435.871	108,32	507.216	116	554.726	109,37	600.000	108,2	9,5	Đạt
21.1	Tổng diện tích nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh	ha	23.235	25.351	109,11	27.885	110,00	29.156	105	32.987	113,14	33.200	100,6	7,4	
21.2	Tổng số hộ nuôi tôm thâm canh, siêu thâm canh	hộ	467	650	139,19	785	120,77	794	101	963	121,28	963	100,0	15,6	







### Phụ lục I.3

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA TỈNH CÀ MAU VÀ TỈNH BẠC LIÊU GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

(kèm theo Báo cáo số 01-BC/TU, ngày 17/10/2025 của Tỉnh ủy)

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm 2021 - 2025 (%)	Ghi chú
				Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)	Giá trị	Tốc độ phát triển (%)		
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội</b>														
1	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá năm 2010	Tỷ đồng	67.563,58	68.008,85	100,66	73.179,19	107,60	78.872,66	107,78	84.304,27	106,89	91.053	108,0	<b>6,15</b>	
	- Ngư, nông, lâm nghiệp	"	25.618,12	26.688,44	104,18	28.085,15	105,23	29.321,26	104,40	30.849,33	105,21	32.549	105,5	4,91	
	- Công nghiệp, xây dựng	"	17.648,04	16.445,36	93,19	17.481,54	106,30	19.580,40	112,01	21.143,89	107,99	23.292	110,2	5,71	
	- Dịch vụ	"	21.075,09	21.575,28	102,37	24.296,50	112,61	26.461,62	108,91	28.587,92	108,04	31.232	109,3	8,18	
	- Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	3.222,33	3.299,77	102,40	3.316,00	100,49	3.509,38	105,83	3.723,12	106,09	3.980	106,9	4,31	
2	Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng	105.007,13	109.881,00	104,64	126.437,09	115,07	139.455,41	110,30	153.160,65	109,83	172.033,00	112,3	10,38	
	+ Ngư, nông, lâm nghiệp	"	40.820,63	43.264,68	105,99	49.371,84	114,12	51.172,66	103,65	55.276,38	108,02	59.968,00	108,5	8,00	
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	23.813,57	23.952,07	100,58	28.022,79	117,00	33.057,79	117,97	36.239,93	109,63	41.677,00	115,0	11,84	
	+ Dịch vụ	"	35.378,01	37.344,96	105,56	43.336,72	116,04	49.046,81	113,18	54.920,89	111,98	62.777,00	114,3	12,15	
	+ Thuế NK, thuế SP (trừ trợ cấp SP)	"	4.994,92	5.319,29	106,49	5.705,73	107,26	6.178,16	108,28	6.723,46	108,83	7.611,00	113,2	8,79	
3	Cơ cấu kinh tế (giá hiện hành)	%	100,0	100,0		100,0		100,0		100,0		100,0			
	+ Ngư, nông, lâm nghiệp	"	38,87	39,37		39,05		36,69		36,09		34,86			
	+ Công nghiệp, xây dựng	"	22,68	21,80		22,16		23,70		23,66		24,23			
	+ Dịch vụ	"	33,69	33,99		34,28		35,17		35,86		36,49			
	+ Riêng thuế NK, thuế SP trừ trợ cấp SP	"	4,76	4,84		4,51		4,43		4,39		4,42			
	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	Triệu đồng	49,8	51,7		59,4		65,4		71,5		80,00			
	(Quy đổi ra USD)	USD													
4	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	5,02	6,75	-	5,53	-	6,27	-	6,27	-	-	-	-	
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	42.703	52.624	123,23	52.006	98,8	53.987	103,8	58.461	108,3	72.000	123,16	11,01	Tính theo hợp nhất tỉnh mới tăng trưởng 8% năm 2025
6	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	5,4	5,49	-	5,77	-	6,27	-	6,47	-	-	-	-	
7	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	1.800,06	1.892,15	105,1	2.164,18	114,4	2.202	101,7	2.444,3	111	2.600	106,4	7,6	
8	Thu ngân sách	Tỷ đồng	10.013	9.938	99,3	9.579	96,4	9.880	103,1	10.481	106,1	11.463	109,4	2,7	







**PHỤ LỤC II**  
**CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG TÂM, TRỌNG ĐIỂM THEO THỨ TỰ ƯU TIÊN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
*(kèm theo Báo cáo số 01-BC/TU, ngày 17/10/2025 của Tỉnh ủy)*

STT	DANH MỤC	QUY MÔ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN			TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN HOÀN THÀNH	GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
				Ngân sách	ODA	Ngoài ngân sách					
<b>I-</b>	<b>Dự án đầu tư công</b>										
<b>a</b>	<b>Giao thông</b>										
1	Dự án cao tốc Cà Mau - Đất Mũi	<p><b>* Phần đầu tư xây dựng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng chiều dài tuyến 81,1km.</li> <li>+ Điểm đầu: Giao với tuyến cao tốc Cần Thơ - Cà Mau, đường Hành lang ven biển phía Nam và đường Vành đai 3 theo quy hoạch;</li> <li>+ Điểm cuối: Giao với đường Hồ Chí Minh tại lý trình khoảng Km2419+785 (trùng với điểm đầu tuyến đường ra đảo Hòn Khoai);</li> <li>- Quy mô 04 làn xe, Bn=24,75m.</li> <li>- Vận tốc thiết kế Vtk=100km/h</li> </ul> <p><b>* Phần GPMB:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Quy mô: Diện tích 713,09ha.</li> <li>- Di dời hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng</li> </ul>	- Phần xây dựng: 57.836.000; GPMB: 2.028.000	Vốn NSTW quản lý			- Phần xây dựng: khởi công ngày 19/8/2025. - Phần GPMB: Đã phê duyệt dự án, đang triển khai thực hiện	Cuối năm 2026	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư	Bộ Quốc phòng	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh; UBND các xã nơi cao tốc đi qua
2	Dự án đầu tư tuyến đường kết nối các đô thị Bạc Liêu, Giá Rai với Cảng hàng không Cà Mau (đoạn Giá Rai - Cảng hàng không Cà Mau)	Tổng chiều dài tuyến 30km	7.000.000	7.000.000			Đang xin ý kiến để lập BCNCKTK dự kiến triển khai thực hiện năm 2026	Cuối năm 2030	Đầu tư hoàn thiện phần đường ô tô hai bên theo mỗi chiều lưu thông, quy mô cấp II đồng bằng, tổng cộng 04 làn xe ô tô và 02 làn xe mô tô; đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật các đoạn qua khu vực đông dân cư	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp các cơ quan liên quan: Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường
3	Các tuyến đường Vành đai kết nối với các tuyến cao tốc, quốc lộ và các trung tâm kinh tế ven biển của tỉnh Cà Mau	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đường Vành đai 3 (đoạn từ đường Quản lộ Phụng Hiệp đến điểm cuối cao tốc Cần Thơ - Cà Mau) chiều dài khoảng 13,12km; quy mô đường cấp III, Bm/Bn=11m/12m;</li> <li>Đường Vành đai 2 đến đường Võ Văn Kiệt chiều dài khoảng 16,50km; quy mô đường đô thị lộ giới 40m và đường cấp III 2-4 làn xe.</li> <li>Đường Vành đai 1 dự kiến đầu tư, nâng cấp đoạn từ QL 63 (đường Nguyễn Trãi đến QL1 (đường Nguyễn Tấn Thành); quy mô theo quy hoạch đường đô thị</li> </ul>	8.852.798		Dự kiến vốn NSTW trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư	Trước năm 2030	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư; đồng thời, xem xét bố trí vốn cho dự án để triển khai thực hiện công trình quan trọng này	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bạc Liêu phối hợp các cơ quan liên quan: Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND xã, phường

STT	DANH MỤC	QUY MÔ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN			TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN HOÀN THÀNH	GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
				Ngân sách	ODA	Ngoài ngân sách					
4	Dự án tuyến đường ven biển tỉnh Cà Mau	<p>1. Tuyến đường ven biển Cà Mau (cũ) với tổng chiều dài 85,4km, bao gồm 2 đoạn như sau:</p> <p>* Đoạn 1: Đoạn từ Gành Hào đến Tân Ân, thị trấn Gạch Gốc - Đầu tư xây dựng tuyến ven biển đoạn 1 với chiều dài 65,4km, trong đó:</p> <p>+ 57,80km đường quy mô mặt đường cấp IV (nền đường rộng 9m, mặt đường láng nhựa rộng 7m). Trên tuyến có 41 cầu (trong đó các cầu Hồ Gui, Bò Đẻ, Rạch Góc là cầu nhịp lớn) với tổng chiều dài 7,6km, quy mô bề rộng mặt cầu từ 9-12m.</p> <p>* Đoạn 2: Đoạn từ Cái Đồi Vàm đến Sông Đốc</p> <p>- Đầu tư xây dựng tuyến ven biển đoạn 2 với chiều dài 20,0km: + 19,27km đường quy mô mặt đường cấp IV (nền đường rộng 9m, mặt đường láng nhựa rộng 7m). Trên tuyến có 08 cầu với tổng chiều dài 0,73km, quy mô bề rộng mặt cầu từ 9m.</p> <p>2. Tuyến đường ven biển khu vực Bạc Liêu</p> <p>- Hàng mục 1 (tuyến đường ven biển): Các đoạn Xiêm Cán - Hiệp Thành (10,20km), đoạn Hiệp Thành - Cái Cùng (18,40km); đoạn Cái Cùng - Gò Cát (11,38km); đoạn Gò Cát - Hồ Thị Kỳ (8,14km); đoạn nối Sóc Trăng và Bạc Liêu (1,90km). Nâng cấp từ đường cấp IV - ĐB hiện hữu lên quy mô đường cấp III-ĐB, bề rộng nền đường tối thiểu 12,0m. Đoạn Hồ Thị Kỳ - Gành Hào (chiều dài 3,10km). Xây dựng theo quy mô đường trục chính đô thị lộ giới 24,0m. Trên tuyến xây dựng mới 01 cầu quy mô mặt cắt ngang 24,0m.</p> <p>- Hàng mục 2: Đường nhánh kết nối với Đường Nam Sông Hậu (chiều dài 6,50km), gồm: Xây dựng mới theo quy mô đường trục chính đô thị lộ giới 36,0m. Trên tuyến xây dựng mới 05 cầu quy mô mặt cắt ngang 24,0m.</p>	12.248.598	3.195.980	9.052.619	Đã trình Bộ Tài chính đề xuất Dự án đường ven biển đoạn đi qua tỉnh Cà Mau tại các văn bản số 3734/UBND-NNXD ngày 11/5/2025 và Văn bản số 4432/UBND-NNXD ngày 30/5/2025	Trước năm 2028	Kiến nghị Bộ Tài chính sớm xem xét, thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề xuất dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh phối hợp các quan liên quan: Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường	
5	Cảng Hòn Khoai và đường kết nối ra đảo Hòn Khoai	<p>- Dự án Cảng Hòn Khoai có quy mô công suất giai đoạn 1 là 25 triệu tấn;</p> <p>- Dự án đường giao thông từ Đất Mũi đến Cảng Hòn Khoai với chiều dài khoảng 17km; quy mô 4 làn xe, B = 16,5m; Vtk=80km/h</p>	32.000.000	Vốn NSTW quản lý		Bộ Quốc phòng đang lập dự án đầu tư	Trước năm 2027	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư	Bộ Quốc phòng	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Quốc phòng; UBND xã, phường.	
6	Dự án cao tốc Hà Tiên - Rạch Giá - Bạc Liêu	<p>- Dự án có điểm đầu tại nút giao IC7 (giao với cao tốc Cần Thơ - Cà Mau); điểm cuối tại đê biển Bạc Liêu. Tổng chiều dài dự án khoảng 58km, trong đó đoạn qua địa phận tỉnh Hậu Giang khoảng 7km; tỉnh Sóc Trăng khoảng 15km, tỉnh Bạc Liêu khoảng 36km (bao gồm đoạn nối ra đê biển dài 12km) đi qua địa bàn các huyện: Hồng Dân, Vĩnh Lợi và thành phố Bạc Liêu; với quy mô đầu tư: + Quy mô 04 làn xe cao tốc hoàn chỉnh: Mặt cắt ngang 24,75m (04 làn xe cơ giới 3,75m, chiều rộng dải phân cách giữa &amp; dải an toàn trong 2,25m, chiều rộng dải dừng xe khẩn cấp mỗi bên 3,0m và chiều rộng lề đất 1,5m).</p> <p>+ Tiêu chuẩn kỹ thuật: Đường cao tốc cấp 100, vận tốc thiết kế 100 km/h</p>	80.836.000	Vốn NSTW quản lý		Ban Quản lý dự án Mỹ Thuận đang tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hiện nay đã thông qua phương án tuyến	Trước năm 2030	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, đồng thời, xem xét bố trí vốn cho dự án để triển khai thực hiện công trình quan trọng này	Bộ Xây dựng	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Xây dựng; UBND xã, phường	
7	Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh Cà Mau	<p>- Đoạn Cà Mau (từ cổng Hội Đồng Nguyên) đến Km2297+000 (điểm đầu Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn - Đất Mũi) dài 47,5km; quy mô đường cấp III 04 làn xe, Bm/Bn=19,5/20,5m.</p> <p>- Đoạn Năm Căn - Đất Mũi dài 58,46km; quy mô đường cấp III 02 làn xe, Bm/Bn=11/12m</p>	12.429.000	Vốn NSTW quản lý		Bộ Xây dựng đang lập hồ sơ bước đề xuất chủ trương đầu tư	Trước năm 2028	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương quan tâm, xem xét bố trí đủ vốn cho dự án để triển khai thực hiện công trình quan trọng này	Bộ Xây dựng	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính; UBND xã, phường	
8	Các dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường tỉnh; các cầu kết nối	<p>- Xây dựng đường Bờ Tây kênh Láng Trâm (ĐT.982B); Nâng cấp đường ĐT.980 thành QL.63 (đoạn Giá Rai - Phò Sinh); Nâng cấp đường tỉnh ĐT.978 (đoạn từ Quốc lộ 1 - Quận lỵ Phụng Hiệp); Nâng cấp đường tỉnh ĐT.981 (Hố Phông - Chũ Trĩ)</p> <p>- Xây dựng các cầu: Cầu Bạc Liêu 5; Cầu Vàm Xáng; Cầu Hòa Bình 2 + tuyến đường nối đến đường Giồng Nhãn - Gò Cát</p>	7.787.470	Vốn NSTW, vốn ngân sách tỉnh và vốn hợp pháp khác giai đoạn 2026 - 2030		Hiện nay Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh đang tổ chức lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư	Trước năm 2030	Đồn đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các thủ tục có liên quan để sớm triển khai và hoàn thành dự án đưa vào khai thác sử dụng	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Bạc Liêu phối hợp các cơ quan liên quan: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã, phường	

STT	DANH MỤC	QUY MÔ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN			TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN HOÀN THÀNH	GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
				Ngân sách	ODA	Ngoài ngân sách					
9	Xây dựng mới đường dây 500 kV LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt (2 mạch), dài 130 km	Quy mô chiều dài 130km	6.500.000	Vốn NSNN			Đang khảo sát, nghiên cứu để xuất dự án	Đến năm 2030	Kiến nghị Tập đoàn Điện lực Việt Nam sớm triển khai thực hiện	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo: Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường
<i>b</i>	<i>Nông nghiệp, thủy lợi</i>										
10	Dự án nâng cấp, hoàn thiện đê biển Đông, đê biển Tây	- Đê đông: dài 138km, rộng 7,5m, cao trình +4 và các công trình đê, Địa điểm: xã Tân Thuận, Tân Tiến, Tam Giang, Tân Ân, Phan Ngọc Hiến, Đất Mũi; vốn đầu tư: 6.189 tỷ đồng. - Đê Tây: dài 34km, rộng 7,5m, cao trình +3; Địa điểm: xã Cái Đồi Vàm, Phú Tân, Trần Văn Thời, Khánh Lâm, U Minh; vốn đầu tư: 1.233 tỷ đồng	7.422.000	Vốn NSTW quản lý			Dự án do Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện, qua rà soát nắm thông tin được biết: (1) Ban QLDA đã phối hợp, làm việc với Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh và đã tổng hợp toàn bộ để xuất danh mục dự kiến đầu tư; (2) Thời gian từ 04/7/2025 đến ngày 09/7/2025 Ban QLDA sẽ trình xin ý kiến chỉ đạo từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Cục QL đê điều; (3) Sau khi có ý kiến từ Bộ, Ban QLDA sẽ lập đề cương, lựa chọn đơn vị tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi (dự kiến từ tháng 7 đến tháng 9/2025; (4) Sau khi đơn vị tư vấn hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi (BCNCKT), Ban QLDA sẽ trình Bộ phê duyệt BCNCKT (dự kiến trước tháng 6/2026).	Trước năm 2030	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư, đồng thời, xem xét bố trí vốn cho dự án để triển khai thực hiện công trình quan trọng này.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban QLDA phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã, phường
11	Xây dựng mới công trình kè phòng chống sạt lở bờ biển		7.000.000	Vốn NSTW quản lý			Đang xin ý kiến để lập BCĐXCTĐT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026	Trước năm 2030	Thi công xây dựng kè, bê tông cốt thép, ngăn chặn xói lở.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã Vĩnh Hậu, xã Gành Hào
12	Dự án đầu tư xây dựng kè chống sạt lở bờ kênh Quán Lộ - Phụng Hiệp đoạn từ cầu Phan Ngọc Hiến đến cầu Cái Nhúc và bờ kè chống ngập dọc kênh Rạch Rập	13,7km kè và đường giao thông	3.338.000	3.338.000			Đang xin ý kiến để lập BCNCKT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026	Trước năm 2030	Thi xây dựng dự kè bờ sông và đường giao thông	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND các phường: Tân Thành, Hòa Thành, Lý Văn Lâm, An Xuyên
13	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi phục vụ khu vực nuôi tôm tập trung siêu thâm canh, thâm canh khoảng 10.000ha	Địa điểm dự kiến thực hiện tập trung ở khu vực xã Vĩnh Hậu, xã Hòa Bình và xã Đông Hải (khoảng 10.000 ha)	400.000	400.000			Đang xin ý kiến để lập BCĐXCTĐT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026	Trước năm 2028	Đầu tư cơ sở hạ tầng, đường, điện, nạo vét các tuyến kênh	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã Vĩnh Hậu, xã Hòa Bình và xã Đông Hải
14	Dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vùng nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi nội đồng	2.000.000	2.000.000			Đang xin ý kiến để lập BCĐXCTĐT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026	Trước năm 2030	Đầu tư cơ sở hạ tầng, đường, điện, nạo vét các tuyến kênh.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã, phường
15	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu hỗ trợ chuyển đổi nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ven Đồng bằng sông Cửu Long	Nạo vét kênh mương các cấp và thủy lợi nội đồng	790.000	790.000			Đang xin ý kiến để lập BCĐXCTĐT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026	Trước năm 2030	Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang thực hiện	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã, phường
16	Dự án hệ thống công trình điều tiết, bổ sung nước phục vụ nuôi trồng thủy sản vùng phía Nam Quốc lộ 1A	- Xây dựng 02 công ầu thuyền trên kênh Bạc Liêu - Cà Mau, gồm: Công ầu thuyền Hộ Phông tại phường Giá Rai, công ầu thuyền Vàm Léo tại xã Hưng Hội và phường Vĩnh Trạch; 07 công trình bờ Đông kênh Hộ Phông - Gành Hào: Lộ Cũ, Thổ Lác, Đầu Lá, Xã Nhơn, Tư cò, Kênh Chùa và Nhà Thờ thuộc phường Giá Rai, xã Long Điền và xã Gành Hào và 01 trạm bơm cầu Sập tại xã Hòa Bình, công suất 10m3/sT	1.451.214 (chi phí GPMB là 56 tỷ đồng, đã bố trí trước 40 tỷ đồng).	1.451.214			Do Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10 làm chủ đầu tư và đang tổ chức thực hiện các thủ tục đầu tư; đã tổ chức bán giao ranh mốc, phạm vi GPMB cho Trung tâm và chính quyền địa phương để triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho dự án	Trước năm 2030	Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính quan tâm chỉ đạo các đơn vị liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư;	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường

STT	DANH MỤC	QUY MÔ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN			TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN HOÀN THÀNH	GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
				Ngân sách	ODA	Ngoài ngân sách					
17	Dự án Xây dựng mới công trình cấp nước nông thôn	- Công suất thiết kế giai đoạn 1 là 29.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm. Diện tích khu đất khoảng 3,75 ha	306.000	306.000			Đang xin ý kiến để lập BCDXCTDT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026.	Trước năm 2030	Kéo dài mở rộng đường ống xây mới trạm.	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các cơ quan: Sở Tài chính; Sở Xây dựng; UBND xã, phường
18	Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu	Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu trên diện tích 103,31ha. Bao gồm những hạng mục công trình: Trụ sở điều hành; Công trình hạ tầng giao thông; Công trình hạ tầng hệ thống thông tin (tuyến công, bể để kéo cáp thông tin); hệ thống cấp nước sinh hoạt; Công trình xử lý nước thải tập trung và công trình phụ trợ khác	190.505				Dự án cơ bản hoàn thành.	Năm 2026	Hoàn thiện thủ tục đất đai để kêu gọi nhà đầu tư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban QLDA phối hợp Bộ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND xã, phường
19	Xây dựng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu	Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu trên diện tích 103,31ha. Bao gồm những hạng mục công trình: Trụ sở điều hành; Công trình hạ tầng giao thông; Công trình hạ tầng hệ thống thông tin (tuyến công, bể để kéo cáp thông tin); hệ thống cấp nước sinh hoạt; Công trình xử lý nước thải tập trung và công trình phụ trợ khác	190.505	190.505			Dự án cơ bản hoàn thành.	Năm 2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban QLDA phối hợp Bộ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng; UBND xã, phường
c	<i>Giáo dục và Đào tạo, Y tế</i>										
20	Các dự án đầu tư, cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế trên địa bàn tỉnh	Các trường, bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế cấp xã trên địa bàn tỉnh	3.800.000	3.800.000			Đang xin ý kiến để lập BCDXCTDT dự kiến triển khai thực hiện năm 2026.	Đến năm 2030		Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế phối hợp các cơ quan liên quan: Sở Xây dựng, Sở Tài chính, UBND xã, phường
d	<i>Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số</i>										
21	Dự án Nâng cấp Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh tỉnh Cà Mau	Nâng cấp phần mềm IOC; cải tạo lại Phòng điều hành và trang bị bổ sung một số thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động trong phòng làm việc; đầu tư, nâng cấp hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ, camera giám sát	15.000	15.000			Đang tổ chức thẩm định BCDXCTDT	Trước năm 2029		Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính
22	Dự án Nâng cấp thay thế, bổ sung trang thiết bị phục vụ hoạt động Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh (Trung tâm DC)	Mua sắm trang thiết bị	23.289	23.289			Đang tổ chức thẩm định BCDXCTDT	Trước năm 2029		Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính
23	Các dự án số hóa tài liệu lưu trữ	Số hóa dữ liệu	30.000	30.000			Đang lập thủ tục phê duyệt dự án	Trước năm 2029		Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Nội vụ, Sở Tư pháp
II-	<b>Dự án ngoài ngân sách (trong đó, có một số dự án dự kiến tổng mức đầu tư)</b>										

STT	DANH MỤC	QUY MÔ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN			TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN HOÀN THÀNH	GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
				Ngân sách	ODA	Ngoài ngân sách					
1	Dự án mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau	<p><b>* Phần đầu tư xây dựng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mới đường cất hạ cánh kích thước 2.400 m × 45 m, đảm bảo khai thác máy bay A320, A321 và tương đương.</li> <li>- Xây dựng đường lăn nối đường cất hạ cánh với sân đỗ máy bay kích thước 128 m × 15 m, lề vật liệu mỗi bên 5 m và 05 đường lăn chờ.</li> <li>- Xây dựng sân đỗ máy bay ở khu vực phía Nam kích thước 182 m × 112,5 m, lề vật liệu rộng 5 m, đáp ứng khai thác 03 vị trí đỗ A320, A321 và tương đương.</li> <li>- Cải tạo, mở rộng nhà ga hành khách hiện hữu đạt công suất 500.000 hành khách/năm (có thể mở rộng đảm bảo khai thác 1 triệu hành khách/năm khi có nhu cầu). Diện tích xây dựng nhà ga hành khách khoảng 2.668 m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 4.200 m<sup>2</sup>, 02 tầng, chiều cao công trình khoảng 9,5 m.</li> <li>- Xây dựng một số hạng mục công trình phụ trợ đồng bộ khác như đường giao thông kết nối sân đỗ máy bay mới về khu nhà ga hành khách, nhà xe ngoại trường, trạm khẩn nguy cứu hỏa, hệ thống hàng rào an ninh, đường vành đai đồng bộ.</li> </ul> <p><b>* Phần GPMB:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô: Diện tích 105,85ha.</li> <li>- Di dời hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng</li> </ul>	3.260.000	Dự kiến vốn ngân sách (phần GPMB): 860.000		100% vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV) (phần xây dựng): 2.400.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần xây dựng: Đã đồng ý ngày 19/4/2025; khởi công ngày 19/8/2025.</li> <li>- Phần GPMB: Đã hoàn thành 99,84% diện tích.</li> </ul>	Giữa năm 2026	Tiếp tục triển khai xây dựng	Bộ Xây dựng	Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính; Sở Xây dựng phối hợp Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)
2	Các Nhà máy điện gió và điện mặt trời	2369MW	40.000.000			Xã hội hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số dự án Nhà máy điện gió hiện đang có nhà đầu tư quan tâm, một số dự án hiện đang mời gọi.</li> <li>- Dự án điện mặt trời đang mời gọi.</li> </ul>		Tiếp tục mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương
3	Dự án Nhà máy điện khí LNG	3200MW	93.600.000			Xã hội hoá	Dự án được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1715/QĐ-BTNMT, ngày 01/9/2021. Bên cạnh khi hóa lỏng của Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg, ngày 22/9/2021. Ngày 28/12/2021, Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo - Bộ Công Thương có văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH - Bộ Công an có văn bản số 2301/PCCC&CNCH-P4, ngày 14/8/2023 chấp thuận về thiết kế PCCC. Bến cảng Vĩnh Hảo A thuộc DA được phê duyệt Quy hoạch chi tiết cảng biển Bạc Liêu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 921/QĐ-BXD, ngày 26/6/2025 của Bộ Xây dựng		Kiến nghị tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương
4	Các dự án Khu du lịch ven biển, nuôi trồng thủy sản ven biển, trồng rừng phòng hộ ven biển	Thực hiện theo đề xuất của Nhà đầu tư	10.000.000				Đang mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án.		Tiếp tục mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương
5	Các dự án Sân golf, khu đô thị	Thực hiện theo đề xuất của Nhà đầu tư	10.000.000				Đang mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án.		Tiếp tục mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương
6	Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy mô 110 ha tại xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau;</li> <li>- Quy mô 500ha tại phường Vĩnh Trạch, tỉnh Cà Mau</li> </ul>	9.150.000				Đang mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án.		Tiếp tục mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Ban quản lý các khu công nghiệp Bạc Liêu phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương
7	Khu đô thị sân bay Cà Mau		2.000.000				Đang mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án	Trước năm 2030	Tiếp tục mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, để xuất thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương



STT	DANH MỤC	QUY MÔ	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	NGUỒN VỐN			TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN	DỰ KIẾN HOÀN THÀNH	GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP
				Ngân sách	ODA	Ngoài ngân sách					
8	Xây dựng mới đường dây 500 kV trạm biến áp 500 kV Bạc Liêu - Rế LNG Bạc Liêu - Thốt Nốt (2 mạch), dài 20 km và trạm biến áp 500kV Bạc Liêu (công suất 1.800MVA); xây dựng mới đường dây 500kV Cà Mau - Bạc Liêu (2 mạch), dài 67km và trạm biến áp 500kV Cà Mau (công suất 1.800MVA)	Tổng chiều dài đường dây 87km và 2 trạm biến áp với tổng công suất 3.600MVA	7.950.000				Đang mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, đề xuất thực hiện dự án	Đến năm 2030	Tiếp tục mời gọi các Nhà đầu tư quan tâm, đề xuất thực hiện dự án	Đảng ủy UBND tỉnh	UBND tỉnh chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp các sở, ban, ngành và địa phương